BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY VÀ KHÔNG CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2017 - 2018

CẦN THƠ, THÁNG 6/2017

MỤC LỤC

Trang

I. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY 1

1. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 1

2. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 16

3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 29

4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 42

5. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 53

6. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 61

7. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 69

8. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 77

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY 84

9. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 84

10. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 94

11. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018 104

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC 112

12. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018 112

13. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG GÂY MÊ HỒI SỨC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018 120

14. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG PHỤ SẢN HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018 123

15. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018 131

16. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN HÌNH ẢNH Y HỌC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018 137

17. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG HỆ LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2017–2018 ... 140

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017 - 2018

Tháng	8	9/2017					10				11				12					1/2018				2			3				4					5					6					7	8				9				
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	HÈ/HỌC KỲ HÈ					1	2	3	4	5
Từ ngày	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12	19	26	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	8	15	22	29
Đến ngày	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5
Y1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
Y2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
Y3		1				5					10					CĐ I			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
Y4		1				5				LS	10					15		17	LS	I	I	1				5						10		LS			15				20	LS	II	II																
Y5		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			CĐ II		II	II	II																
Y6		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10		12	II		ÔN THI TN							TN															Thi2
YHCT1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
YHCT2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
YHCT3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					CĐ I					10					15			18		II	II	II																
YHCT4		1				5					10					15			18	I	I	I	1										10					15			18		II	II	II																
YHCT5		1				5					10					15			18	I	I	I	1										10						CĐ II				II	II	II																
YHCT6		1				5					10					15			18	I	I	I	1										10		12	II		ÔN THI TN							TN															Thi2
RHM1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
RHM2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
RHM3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15					II	II	II																
RHM4		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
RHM5		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
RHM6		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5			8		THỰC TẾ					ÔN THI TN							TN															Thi2
YHDP1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
YHDP2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
YHDP3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					CĐ I					10					15			18		II	II	II																
YHDP4		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
YHDP5		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10						CĐ II		18		II	II	II																
YHDP6		1				5					10		CĐ3				CĐ4			I	I	I	1					5					10			II		LUẬN VĂN TN																				
D1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
D2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
D3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
D4		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
D5		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10	TT CƠ SỞ			II		ÔN THI TN							TN															Thi2
ĐD1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
ĐD2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
ĐD3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
ĐD4		1				5				CĐ II						15			18	I	I	I	1					5					10		12	II		ÔN THI TN							TN															Thi2
YTCC1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
YTCC2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					CĐ I					10					15			18		II	II	II																
YTCC3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					CĐ II					10					15			18		II	II	II																
YTCC4		1				5					10				CĐ III				18	I	I	I	1					5					10			II	II	ÔN THI TN							TN															Thi2
XN1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
XN2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
XN3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10					15			18		II	II	II																
XN4		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10			13	II	ÔN THI TN							TN															Thi2

NGHỈ TẾT

NGHỈ HÈ

CHÚ THÍCH: Tuần sinh hoạt công dân; Tuần thi học kỳ/ thi lâm sàng; Nghỉ Tết, hè; Tuần dự trữ; Tuần tự học hè

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY, NĂM HỌC 2017 - 2018

Tháng	8	9/2017					10				11				12					1/2018				2		3					4					5					6					7		8			9				
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	1	2	3	TẾT	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	HÈ/HỌC KỲ HÈ		1	2	3	4	5
Từ ngày	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	5	12	19	26	2	9	16	23	30	5	7	14	21	28	2	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17
Đến ngày	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13
Y[4]1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
Y[4]2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					CĐ1					10				15			18		II	II	II														
Y[4]3		1			4	CĐ2					10					15			18	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
Y[4]4		1				5					10					15	16	I	I	1				5							10		12	II				17	ÔN THI TN					TN												Thi2
YHCT[4]1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
YHCT[4]2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
YHCT[4]3		1				5		CĐ			10					15			18	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
YHCT[4]4		1				5					10					15	16	I	I	1				5							10		12	II		15	16		ÔN THI TN					TN												Thi2
D[4]1		HS		1				5					10					15	16	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
D[4]2		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
D[4]3		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5					10				15			18		II	II	II														
D[4]4		1				5					10					15			18	I	I	I	1					5				8		II		THỰC TẾ			ÔN THI TN					TN												Thi2

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017 - 2018

Tháng	8	9/2017					10				11				12					1/2018				2		3					4					5					6					7		8			9				
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	1	2	3	TẾT	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	HÈ/HỌC KỲ HÈ		1	2	3	4	5
Từ ngày	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	5	12	19	26	2	9	16	23	30	5	7	14	21	28	2	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17
Đến ngày	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13
ĐD[4]1		HS		1				5			8	I	I														1				5			8	II	II																					
ĐD[4]2												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
ĐD[4]3												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
ĐD[4]4				1				5			8	I	I														1				5			8	II	II	CĐ+TT		ÔN THI TN					TN												Thi2
GM[4]1		HS		1				5			8	I	I														1				5			8	II	II																					
GM[4]2												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
PS[4]1		HS		1				5			8	I	I														1				5			8	II	II																					
PS[4]2												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
PS[4]3												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
PS[4]4				1				5			8	I	I														1				5			8	II	II	CĐ+TT		ÔN THI TN					TN												Thi2
XN[4]1		HS		1				5			8	I	I														1				5			8	II	II																					
XN[4]2												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
XN[4]3												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
XN[4]4				1				5			8	I	I														1				5			8	II	II			ÔN THI TN					TN												Thi2
HA[4]1		HS		1				5			8	I	I														1				5			8	II	II																					
HA[4]2												1				5			8	I	I															1				5			8	II	II													
ĐD[2]1		HS		1				5					10	I	I												1				5					10	II	II																					

CHÚ THÍCH: Tuần sinh hoạt công dân; Tuần thi học kỳ; Tuần nghỉ giữa các HK; Nghỉ Tết, hè; Tuần dự trữ

I. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: Y1, Y2, Y3, Y4, Y5, Y6.
- Thứ tự lớp: A, B, C, D, E, F, G, H

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K43: 175301A, 175301B, 175301C, 175301D, 175301E, 175301F, 175301G, 175301H
- Năm thứ hai - K42: 165301A, 165301B, 165301C, 165301D, 165301E, 165301F, 165301G, 165301H
- Năm thứ ba - K41: 155301A, 155301B, 155301C, 155301D, 155301E, 155301F, 155301G, 155301H
- Năm thứ tư - K40: 145301A, 145301B, 145301C, 145301D, 145301E, 145301F, 145301G, 145301H
- Năm thứ năm - K39: 135301A, 135301B, 135301C, 135301D, 135301E, 135301F, 135301G, 135301H
- Năm thứ sáu - K38: 125301A, 125301B, 125301C, 125301D, 125301E, 125301F, 125301G, 125301H

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2023 – K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 840, số lớp SV chuyên ngành: 8

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **15 tín chỉ/276 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
6.	Giải phẫu I Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	*Tự chọn**
	Tổng cộng	**15**	**12**	**186**	**3**	**90**		

(*) *Chia làm 2 nhóm: 4 lớp học Giải phẫu I, 4 lớp còn lại học Giải phẫu II.*

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/381 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
6.	Giải phẫu I Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	*Tự chọn**
	Tổng cộng	**18**	**13**	**201**	**5**	**180**		

(*) *Chia làm 2 nhóm: 4 lớp học Giải phẫu II, 4 lớp còn lại học Giải phẫu I.*

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2022 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 937, số lớp SV chuyên ngành: 8

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/306 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
3.	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khoẻ	2	2	36			Thi	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
5.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	*Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần trong từng nhóm có số thứ tự 5,6,7.*
	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17/18**	**15**	**231**	**3/2**	**60/30**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/387 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Tiền lâm sàng I	2			2	60	Thi	
3.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	*Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần trong từng nhóm có số thứ tự 5,6,7.*
	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**16/17**	**9**	**147**	**7/8**	**255**		

Ghi chú: *Học phần Điều dưỡng cơ bản chia 2 nhóm thực tập **buổi chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ và Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.*

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	Lớp A,B	Lớp C,D	Lớp E,F	Lớp G,H
09/04-13/04/2018			Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại
16/04-20/04/2018			Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội
23/04-27/04/2018	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại		
07/05-11/05/2018	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2021 - K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 1066, số lớp SV chuyên ngành: 8

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/447 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Phẫu thuật thực hành	2	1	15	1	30	Thi	
2.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
3.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	1	18	1	30	Thi	
6.	Sức khoẻ môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Chương trình y tế QG, tổ chức và quản lý y tế	2	2	30			Thi	
8.	Ung thư	2	1	18	1	30	Thi	
9.	Thực tập cộng đồng I	1			1	45	BC	
	Tổng cộng	**18**	**9**	**147**	**9**	**300**		

***Ghi chú**:*

- Học trước lý thuyết Nội cơ sở I, Ngoại cơ sở I, Nội cơ sở II, Ngoại cơ sở II (chương trình học kỳ 2) ngay khi kết thúc lý thuyết học kỳ 1 (dự kiến từ 18/12/2017 đến 30/12/2017)

- Thực tập cộng đồng I từ ngày 04/12/2017 đến 16/12/2017 do khoa Y tế công cộng cho địa điểm, phụ trách và hướng dẫn sinh viên thực tập.

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, 3 tuần ôn thi và thi, 2 tuần nghỉ Tết và 1 tuần dự trữ) **17 tín chỉ/546 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
2.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
6.	Thăm dò chức năng	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**7**	**126**	**10**	**420**		

***Ghi chú**:*

- Các học phần lâm sàng thực tập buổi sáng tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Trường. Bộ môn Nội, Ngoại chịu trách nhiệm tổ chức cho sinh viên thực hành tại các địa điểm trên. Thi thực hành lâm sàng được tổ chức vào 2 ngày cuối cùng của mỗi đợt thực tập.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp / Thời gian	A,B	C,D	E,F	G,H
29/01/2018-10/02/2018	Nội cơ sở I	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Ngoại cơ sở II
12/02/2018-24/02/2018	*Nghỉ Tết*			
26/02/2018-10/03/2018	Nội cơ sở I	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Ngoại cơ sở II
12/03/2018-07/04/2018	Nội cơ sở II	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở II	Ngoại cơ sở I
09/04/2018-05/05/2018	Ngoại cơ sở I	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở I	Nội cơ sở II
07/05/2018-02/06/2018	Ngoại cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở II	Nội cơ sở I

**** Chú ý:***

Học trước lý thuyết Nội bệnh lý I-II, Ngoại bệnh lý I-II, Phụ sản I-II, Nhi I-II (chương trình năm thứ 4) trong học kỳ hè.

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2020 – K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 859, số lớp SV chuyên ngành: 8

*** Học kỳ hè năm thứ 3** (từ 10/7/2017 đến 19/8/2017)

- Học lý thuyết Nội bệnh lý I-II, Ngoại bệnh lý I-II, Phụ sản I-II, Nhi I-II.

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, 2 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/531 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	*Lớp A, B,C,D*
2.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Nhi I	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Nhi II	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	*Lớp E,F,G,H*
6.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
7.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	Thi	
8.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	Thi	
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khoẻ	1	1	18			Thi	
10.	Huyết học cơ bản	2	1	18	1	30	Thi	
11.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**8**	**141**	**9**	**390**		

Ghi chú:

*- Chia 4 nhóm thực tập luân khoa mỗi 9 tuần (8 tuần thực học, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng). Sinh viên thực tập vào buổi sáng do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách (3/4 thực tập tại các bệnh viện tại Cần Thơ và **1/4 thực tập tại Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long** do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).*

+ *Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Trường(nhóm ở BV Trường khoảng 40 SV).*
+ *Thực tập lâm sàng Phụ sản tại bệnh viện Đa khoa trung ương và bệnh viên Phụ sản Cần Thơ.*
+ *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ và bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm (Lớp)	1 (A,B)	2 (C,D)	3 (E,F)	4 (G,H)
28/08/2017 – 28/10/2017	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II	Ngoại bệnh lý I-II	Phụ sản I-II
30/10/2017 – 30/12/2017	Nhi I-II	Nội bệnh lý I-II	Phụ sản I-II	Ngoại bệnh lý I-II

Học kỳ 8: 25 tuần (15/01/2018 – 07/07/2018, 3 tuần ôn thi và thi, 1 tuần dự trữ), **17 tín chỉ/534 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	*Lớp E,F,G,H*
2.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Nhi I	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Nhi II	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	*Lớp A, B,C,D*
6.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
7.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	Thi	
8.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	Thi	
9.	Hóa sinh lâm sàng	1	1	18			Thi	
10.	Dị ứng lâm sàng	1	1	18			Thi	
11.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	Thi	
12.	Pháp Y	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**8**	**144**	**9**	**390**		

Ghi chú:

*- Chia 4 nhóm thực tập luân khoa mỗi 9 tuần (8 tuần thực học, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng). Sinh viên thực tập vào buổi sáng do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách. (3/4 thực tập tại các bệnh viện tại Cần Thơ và **1/4 thực tập tại Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long** do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).*

+ *Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Truyền máu – Huyết học Cần Thơ, Bệnh viện Trường (nhóm ở BV Trường khoảng 40 SV).*
+ *Thực tập lâm sàng Phụ sản tại bệnh viện Đa khoa trung ương và bệnh viên Phụ sản Cần Thơ.*
+ *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ và bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm (Lớp)	1 (A,B)	2 (C,D)	3 (E,F)	4 (G,H)
05/02/2018 – 10/02/2018	Ngoại bệnh lý I-II	Phụ sản I-II	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II
12/02/2018 – 24/02/2018	***Nghỉ Tết***			
26/02/2018 - 2104/2018	Ngoại bệnh lý I-II	Phụ sản I-II	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II
23/04/2018 - 23/06/2018	Phụ sản I-II	Ngoại bệnh lý I-II	Nhi I-II	Nội bệnh lý I-II

NĂM THỨ NĂM

(Khóa 2013–2019 – K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 839, số lớp SV chuyên ngành: 8

Học kỳ 9: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/486 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tai mũi họng	2	1	18	1	45	Thi	
2.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Thần kinh	2	1	18	1	45	Thi	
4.	Tâm thần	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Mắt	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Da liễu	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Gây mê hồi sức	2	1	18	1	45	Thi	
8.	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**171**	**7**	**315**		

Ghi chú: *Sinh viên thực tập lâm sàng vào buổi sáng, mỗi lớp thực tập 1 chuyên khoa, 8 lớp xoay vòng 7 chuyên khoa do đó mỗi lớp có 2 tuần nghỉ.*

+ *Thực tập Mắt tại Bệnh viện Mắt-Răng hàm mặt Cần Thơ, BVĐKTƯ Cần Thơ.*
+ *Thực tập Tai mũi họng tại bệnh viện Tai-mũi-họng Cần Thơ.*
+ *Thực tập Thần kinh tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ*
+ *Thực tập Da liễu tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ.*
+ *Thực tập Tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Cần Thơ*
+ *Thực tập Gây mê hồi sức tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BV Trường.*
+ *Thực tập Y học cổ truyền tại bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	Y-A	Y-B	Y-C	Y-D	Y-E	Y-F	Y-G	Y-H
04/09/2017-16/09/2017	-	TMH	Tâm thần	Thần kinh	YHCT	Mắt	Da liễu	GMHS
18/09/2017-30/09/2017	TMH	-	Thần kinh	Tâm thần	Mắt	YHCT	GMHS	Da liễu
02/10/2017-14/10/2017	Tâm thần	Thần kinh	-	TMH	Da liễu	GMHS	YHCT	Mắt
16/10/2017-28/10/2017	Thần kinh	Tâm thần	TMH	-	GMHS	Da liễu	Mắt	YHCT
30/10/2017-11/11/2017	YHCT	Mắt	Da liễu	GMHS	-	TMH	Tâm thần	Thần kinh
13/11/2017-25/11/2017	Mắt	YHCT	GMHS	Da liễu	TMH	-	Thần kinh	Tâm thần
27/11/2017-09/12/2017	Da liễu	GMHS	YHCT	Mắt	Tâm thần	Thần kinh	-	TMH
11/12/2017-23/12/2017	GMHS	Da liễu	Mắt	YHCT	Thần kinh	Tâm thần	TMH	-

Học kỳ 10: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/540 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý III	3	1	18	2	90	Thi	
2.	Truyền nhiễm	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Lao	2	1	18	1	45	Thi	
4.	Răng hàm mặt	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Phục hồi chức năng	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Y học gia đình	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Y học đáp ứng với thảm họa	1	1	18			Thi	
8.	Thực tập cộng đồng II	2			2	90	BC	
	Tổng cộng	**17**	**8**	**135**	**9**	**405**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Nội bệnh lý III tại BV ĐKTƯ CT, BV ĐK TPCT, Bệnh viện Truyền máu – Huyết học Cần Thơ và BV Trường.

- Thực tập Truyền nhiễm tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ

- Thực tập Lao tại bệnh viện Lao và bệnh phổi Cần Thơ

- Thực tập Phục hồi chức năng tại Trung tâm chỉnh hình vào PHCN Cần Thơ

- Thực tập Răng hàm mặt tại bệnh viện Mắt-Răng hàm mặt Cần Thơ, BVĐKTƯ Cần Thơ và BV trường.

- Thực tập Y học gia đình tại phòng khám Y học gia đình bệnh viện Trường và các phòng khám y học gia đình.

- Thực tập cộng đồng II từ ngày 04/06/2018 đến 16/06/2018 do khoa Y tế công cộng cho địa điểm, phụ trách và hướng dẫn sinh viên thực tập.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	Y-A	Y-B	Y-C	Y-D	Y-E	Y-F	Y-G	Y-H
29/01/2018 – 10/02/2018	Nội bệnh lý III		YHGD	PHCN	RHM	Lao	Truyền nhiễm	-
12/02/2018 – 24/02/2018	*Nghỉ Tết*							
26/02/2018 - 10/03/2018	Nội bệnh lý III		-	YHGD	PHCN	RHM	Lao	Truyền nhiễm
12/03/2018 - 24/03/2018	Truyền nhiễm	-	Nội bệnh lý III		YHGD	PHCN	RHM	Lao
26/03/2018 - 07/04/2018	Lao	Truyền nhiễm			-	YHGD	PHCN	RHM
09/04/2018 - 21/04/2018	RHM	Lao	Truyền nhiễm	-	Nội bệnh lý III		YHGD	PHCN
23/04/2018 - 05/05/2018	PHCN	RHM	Lao	Truyền nhiễm			-	YHGD

Lớp	Y-A	Y-B	Y-C	Y-D	Y-E	Y-F	Y-G	Y-H
07/05/2018 - 19/05/2018	YHGD	PHCN	RHM	Lao	Truyền nhiễm	-	Nội bệnh lý III	
21/05/2018 - 02/06/2018	-	YHGD	PHCN	RHM	Lao	Truyền nhiễm		

**** Chú ý:***

- Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Y tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

- Học trước lý thuyết Nội bệnh lý IV, Ngoại bệnh lý III, Phụ sản III, Nhi khoa III trong học kỳ hè (buổi chiều) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018 song song với thời gian thực tập hè.

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2012–2018 - K38)

Tổng số sinh viên: 666, số lớp: 8

*** Học kỳ hè năm thứ 5** (từ 10/7/2017 đến 19/8/2017)

- Học lý thuyết Nội bệnh lý 4, Ngoại bệnh lý 3, Phụ sản 3, Nhi 3 song song với thực tập hè (học lý thuyết buổi chiều, thực tập hè buổi sáng)

Học kỳ 11: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **22 ĐVHT/570 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý 4	4	2	30	2	90	Thi	*Chia 4 nhóm thực tập luân khoa mỗi 4 tuần*
2.	Ngoại bệnh lý 3	4	2	30	2	90	Thi	
3.	Phụ sản 3	4	2	30	2	90	Thi	
4.	Nhi 3	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Y học gia đình	2	2	30			Thi	
6.	Y học thảm họa	2	2	30			Thi	
7.	DS-BVBMTE-SKSS	1	1	15			Thi	
8.	Kinh tế y tế-BHYT	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**22**	**14**	**210**	**8**	**360**		

Ghi chú:

*- Sinh viên thực tập **hai buổi sáng chiều từ thứ 2 đến thứ 6** do các bộ môn Nội, Ngoại tổng quát, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Sản, Nhi phụ trách. **Riêng ngày thứ 7 học lý thuyết các học phần còn lại.***

- Sinh viên thực tập buổi sáng tại bệnh phòng và giao ban ca trực. Buổi chiều sinh viên nhận bệnh, thăm khám bệnh nhân và bình bệnh án các ca thăm khám.

+ *Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại , Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ, Bệnh viện Trường (nhóm ở BV Trường khoảng 40 SV).*
+ *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp / Thời gian	AB	CD	EF	GH
04/09/2017 – 30/09/2017	Nội bệnh lý 4	Ngoại bệnh lý 3	Phụ sản 3	Nhi 3
02/10/2017 – 28/10/2017	Ngoại bệnh lý 3	Nội bệnh lý 4	Nhi 3	Phụ sản 3
30/10/2017 – 25/11/2017	Phụ sản 3	Nhi 3	Nội bệnh lý 4	Ngoại bệnh lý 3
27/11/2017 – 23/12/2017	Nhi 3	Phụ sản 3	Ngoại bệnh lý 3	Nội bệnh lý 4

Học kỳ 12: 15 tuần (22/01/2018 – 05/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 1 tuần ôn thi và thi), **10 ĐVHT/390 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn	10	2	30	8	360	Thi	
2.	Tốt nghiệp Mác-Lênin và TTHCM	4	4				Thi	
3.	Thi tốt nghiệp/Luận văn tốt nghiệp	15	15				Thi	
	Tổng cộng	**10/19**		**30**	**8**	**360**		

Ghi chú:

Thực tập lâm sàng Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn vào buổi sáng, buổi chiều học lý thuyết từ ngày 05/02/2018 đến 31/03/2018. Từ 02/04/2018 đến 28/04/2018 thực tập cả sáng và chiều.

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp**: từ 14/05/2018 – 23/06/2018.
2. **Học phần tốt nghiệp**:
   - Thi tốt nghiệp môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
   - Báo cáo luận văn tốt nghiệp (12 ĐVHT) hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (12 ĐVHT) gồm:
     + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
     + Phần chuyên môn (8 ĐVHT): Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi.
   - Thi lâm sàng (3 ĐVHT): bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng theo nhóm Nội-Nhi hoặc Ngoại-Sản tùy thuộc vào nhóm định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn mà sinh viên đăng ký.
3. **Thời gian thi tốt nghiệp**:
   - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 09/06/2018
   - Báo cáo luận văn tốt nghiệp: 23/06/2018.
   - Tốt nghiệp chuyên ngành và thi lâm sàng: 25/06/2018 – 30/06/2018.

   ** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ năm: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ sáu: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – thứ năm (đào tạo theo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với năm thứ sáu (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.3. Đối với sinh viên học vượt

Sinh viên được phép đổi nhóm thực hành để học vượt theo tiến độ của chương trình.

3. Đăng ký chuyên khoa tự chọn

Sinh viên đăng ký 1 học phần định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn vào cuối năm thứ 5. Riêng các sinh viên diện cử tuyển và địa chỉ sử dụng phải xin ý kiến của địa phương trước khi đăng ký.

4. Luận văn / Thi tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2014 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học; chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

**** Thi tốt nghiệp lâm sàng:***

- Từ ngày 10/05/2018-13/05/2018: bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng theo nhóm Nội-Nhi hoặc Ngoại-Sản tùy thuộc vào nhóm định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn mà sinh viên đăng ký.

- Từ ngày 14/05/2018-14/06/2018: Thực hành và ôn tập. Sinh viên thực tập và ôn thi tốt nghiệp theo chuyên ngành đã bốc thăm. Các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi có kế hoạch phân công cụ thể và sắp xếp giảng viên, sinh viên thực hành ôn tập lâm sàng theo qui định.

- Thi tốt nghiệp: Dự kiến từ 25/06/2018 - 30/06/2018.

+ Sinh viên bốc thăm bệnh nhân cụ thể (được bộ môn chuẩn bị sẵn), làm bệnh án

+ Bộ môn thành lập bàn hỏi thi lâm sàng (một bàn hỏi thi tối thiểu 2 giảng viên).

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

2. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: YHCT1, YHCT2, YHCT3, YHCT4, YHCT5, YHCT6

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K43: 175308A
- Năm thứ hai - K42: 165308A
- Năm thứ ba - K41: 155308A
- Năm thứ tư - K40: 145308A
- Năm thứ năm - K39: 135308A
- Năm thứ sáu - K38: 125308A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2023 – K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 120, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/366 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**10**	**156**	**6**	**210**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/306 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
3.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**14**	**216**	**3**	**90**		

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2022 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 93, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/321 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	
5.	Tiền lâm sàng I	2			2	60	Thi	
6.	Dân số, truyền thông và giáo dục SK	2	2	36			Thi	
7.	Xác suất- Thống kê y học	2	2	30			Thi	
8.	Lý luận cơ bản YHCT I	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**18**	**15**	**231**	**3**	**90**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/414 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Trung văn cơ bản	3	3	45			Thi	
3.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Thực vật dược	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
7.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**10**	**159**	**8**	**255**		

Ghi chú: *Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi **chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.*

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	14/05/2018-18/05/2018	21/05/2018-25/05/2018
YHCT	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2021 – K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 122, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/474 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Lý luận cơ bản YHCT II	2	2	36			Thi	
4.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	*Chia 2 nhóm thực tập luân khoa*
6.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
7.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**10**	**174**	**8**	**300**		

Ghi chú: *Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở I, Ngoại cơ sở I.*

- *Thực tập Nội cơ sở I tại BVĐK TP.Cần Thơ.*
- *Thực tập Ngoại cơ sở I tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ, BV Trường.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	30/10/2017 – 25/11/2017	27/11/2017 – 23/12/2017
Nhóm 1	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở I
Nhóm 2	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở I

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/480 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Thăm dò chức năng	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
4.	YHCT cơ sở	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Ung thư đại cương	2	1	18	1	30	Thi	
6.	Trung văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
7.	Thực tập cộng đồng I	1			1	45	BC	
	Tổng cộng	**17**	**8**	**135**	**9**	**375**		

Ghi chú:

- Thực tập Y học cổ truyền cơ sở tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.

- Thực tập cộng đồng I cả ngày từ 05/03/2018 đến 17/03/2018 do khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Chia 3 nhóm thực tập Nội cơ sở II, Ngoại cơ sở II.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ, NGOẠI CƠ SỞ

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
19/03/2018 – 14/04/2018	YHCT cơ sở	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II
16/04/2018 – 12/05/2018	Ngoại cơ sở II	YHCT cơ sở	Nội cơ sở II
14/05/2018 – 09/06/2018	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II	YHCT cơ sở

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2020 – K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 145, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/495 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý YHHĐ I	3	2	30	1	45	Thi	*Chia 4 nhóm thực tập luân khoa.*
2.	Ngoại bệnh lý YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
3.	Phụ sản YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
4.	Nhi YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Thuốc YHCT I	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**10**	**150**	**8**	**345**		

Ghi chú:

- *Thực tập Nội bệnh lý YHHĐ I, Phụ sản YHHĐ tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ.*
- *Thực tập Ngoại bệnh lý YHHĐ tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ và Bệnh viện Trường.*
- *Thực tập Nhi YHHĐ tại Bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
04/09/2017 – 16/09/2017	Nội bệnh lý YHHĐ I	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Phụ sản YHHĐ	Nhi YHHĐ
18/09/2017 – 30/09/2017	-			
02/10/2017 – 14/10/2017	Nhi YHHĐ	Nội bệnh lý YHHĐ I	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Phụ sản YHHĐ
16/10/2017 – 28/10/2017		-		
30/10/2017 – 11/11/2017	Phụ sản YHHĐ	Nhi YHHĐ	Nội bệnh lý YHHĐ I	Ngoại bệnh lý YHHĐ
13/11/2017 – 25/11/2017			-	
27/11/2017 – 09/12/2017	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Phụ sản YHHĐ	Nhi YHHĐ	Nội bệnh lý YHHĐ I
11/12/2017 – 23/12/2017				-

Học kỳ 8: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **19 tín chỉ/495 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Thuốc YHCT II	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Nội bệnh lý II	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Nội bệnh lý YHCT I	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Ngoại bệnh lý YHCT	3	1	15	2	90	Thi	
5.	PP điều trị không dùng thuốc	2	1	18	1	30	Thi	
6.	Châm cứu học I,II	4	2	36	2	60	Thi	
7.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**19**	**10**	**165**	**9**	**330**		

Ghi chú: *chia 3 nhóm thực tập lâm sàng vào buổi sáng:*

- *Thực tập Nội bệnh lý YHHĐ II tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ.*
- *Thực tập Ngoại bệnh lý YHCT tại BVĐK TP.Cần Thơ.*
- *Thực tập Nội bệnh lý YHCT I tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3
05/03/2018-17/03/2018	-	Ngoại bệnh lý YHCT	-
19/03/2018-31/03/2018	-		-
02/04/2018 – 14/04/2018	Nội bệnh lý II	Nội bệnh lý YHCT I	Ngoại bệnh lý YHCT
16/04/2018 – 28/04/2018	Nội bệnh lý YHCT I	Nội bệnh lý II	
30/04/2018 – 05/05/2018	*Nghỉ 1 tuần*		
07/05/2018 – 19/05/2018	Ngoại bệnh lý YHCT	-	Nội bệnh lý II
21/05/2018 – 02/06/2018		-	Nội bệnh lý YHCT I

NĂM THỨ NĂM

(Khóa 2013–2019 – K39)

Tổng số sinh viên: 103, số lớp: 1

Học kỳ 9: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/474 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế	2	2	30			Thi	*Chia 3 nhóm thực tập luân khoa.*
2.	Phụ sản YHCT	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Phương tễ	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Truyền nhiễm	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Da liễu	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Phục hồi chức năng	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Châm cứu học III	4	2	30	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**159**	**7**	**315**		

***Ghi chú*:**

- *Thực tập Phương tễ, Châm cứu học III tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Phụ sản YHCT tại Bệnh viện ĐK TP.Cần Thơ.*
- *Thực tập Phục hồi chức năng tại Trung tâm chỉnh hình và PHCN Cần Thơ*
- *Thực tập Da liễu tại bệnh viện Da liễu Cần Thơ.*
- *Thực tập Truyền nhiễm tại bệnh viện ĐKTW Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3
04/09/2017 – 16/09/2017	Phụ sản YHCT	Phục hồi chức năng	Da liễu
18/09/2017 – 30/09/2017	Phục hồi chức năng	Da liễu	Châm cứu học III
02/10/2017 – 14/10/2017	Da liễu	Phương tễ	
16/10/2017 - 28/10/2017	Phương tễ	Châm cứu học III	Phục hồi chức năng
30/10/2017 – 11/11/2017	Truyền nhiễm		Phụ sản YHCT
13/11/2017 – 25/11/2017	Châm cứu học III	Truyền nhiễm	Phương tễ
27/11/2017 – 09/12/2017		Phụ sản YHCT	Truyền nhiễm

Học kỳ 10: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/495 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý YHCT III	4	2	30	2	90	Thi	*Chia 3 nhóm thực tập luân khoa.*
2.	Thần kinh	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Tâm thần	2	1	18	1	45	Thi	
4.	Lao	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
6.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	15			Thi	
7.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	Thi	
8.	Thực tập cộng đồng II (YHCT)	2			2	90	BC	
	Tổng cộng	**17**	**9**	**150**	**8**	**345**		

Ghi chú:

- *Thực tập Nội bệnh lý YHCT tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Thần kinh tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ*
- *Thực tập Lao tại bệnh viện Lao và bệnh phổi Cần Thơ.*
- *Thực tập Tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Cần Thơ.*
- *Thực tập cộng đồng II cả ngày từ 21/05/2018 đến 02/06/2018 do khoa Y tế công cộng phụ trách.*
- ***Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Bộ môn Y học cổ truyền - Khoa Y tổ chức và quản lý sinh viên tự học.***

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
12/03/2018 – 24/03/2018	Nội bệnh lý YHCT III	Tâm thần
26/03/2018 – 07/04/2018		Thần kinh
09/04/2018 – 21/04/2018	Tâm thần	Nội bệnh lý YHCT III
23/04/2018 – 05/05/2018	Lao	
07/05/2018 – 19/05/2018	Thần kinh	Lao

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2012–2018 - K38)

Tổng số sinh viên: 41, số lớp: 1

Học kỳ 11: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **24 ĐVHT/480 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	30			Thi	
3.	Chế biến dược liệu	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Ôn bệnh	2	2	30			Thi	
5.	Bệnh học ngũ quan	3	2	30	1	45	Thi	
6.	Phương tễ	4	3	45	1	30	Thi	
7.	Hồi sức cấp cứu	4	2	30	2	90	Thi	
8.	Da liễu YHCT	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**24**	**19**	**285**	**5**	**195**		

Ghi chú:

+ *Thực tập Bệnh học ngũ quan luân phiên 4 tuần tại bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*
+ *Thực tập lâm sàng Hồi sức cấp cứu vào buổi sáng từ ngày 27/11/2017 đến 23/12/2017 tại bệnh viện Đa khoa TƯ Cần Thơ, bệnh viện ĐK TPCT.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
25/09/2017 – 07/10/2017	Hồi sức cấp cứu	Chế biến dược liệu
09/10/2017 – 21/10/2017		Phương tễ
23/10/2017 – 04/11/2017	Chế biến dược liệu	Hồi sức cấp cứu
06/11/2017 – 18/11/2017	Phương tễ	
20/11/2017 – 16/12/2017	Bệnh học ngũ quan	Bệnh học ngũ quan

Học kỳ 12: 15 tuần (22/01/2018 – 05/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi),
11 ĐVHT/255 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Thương hàn luận	2	2	30			Thi	
2.	Tác phẩm kinh điển về YHCT VN	2	2	30			Thi	
3.	Bệnh học Lão khoa YHCT	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Định hướng cơ bản chuyên khoa Châm cứu	2	1	15	1	45	Thi	*Chọn 1 trong 2 học phần*
5.	Định hướng cơ bản chuyên khoa Dưỡng sinh – xoa bóp	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Tốt nghiệp Mác-Lênin và TTHCM	4	4				Thi	
7.	Thi tốt nghiệp	15	15				Thi	
	Tổng cộng	**11/19**		**120**	**3**	**135**		

Ghi chú:

- Thực tập lâm sàng Định hướng cơ bản chuyên khoa châm cứu, Bệnh học Lão khoa YHCT, Dưỡng sinh – xoa bóp vào buổi sáng từ ngày 26/02/2018 đến 24/03/2018 tại bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ do bộ môn Y học cổ truyền Khoa Y phụ trách.

- Từ ngày 02/04/2018 đến 28/04/2018 sinh viên thực tập tốt nghiệp 4 tuần do bộ môn Y học cổ truyền Khoa Y phụ trách.

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp**: từ 14/05/2018 – 23/06/2018.
2. **Học phần tốt nghiệp**:
   - Thi tốt nghiệp môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
   - Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (12 ĐVHT) gồm:
     + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
     + Lý thuyết chuyên ngành tổng hợp (8 ĐVHT): Nội bệnh lý YHCT, Ngoại bệnh lý YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT.
   - Thi lâm sàng (3 ĐVHT): bốc thăm chọn chuyên ngành lâm sàng Nội Y học cổ truyền hoặc Ngoại Y học cổ truyền.
3. **Thời gian thi tốt nghiệp:**
   - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 09/06/2018
   - Thi tốt nghiệp: 25/06/2018 – 30/06/2018.

   ** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ năm: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học

- Năm thứ sáu: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – thứ năm (đào tạo theo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với năm thứ sáu (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Luận văn / Thi tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2014 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học.

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

**** Thi tốt nghiệp lâm sàng:***

- Từ ngày 10/5/2018-13/5/2018: bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng Nội Y học cổ truyền hoặc Ngoại Y học cổ truyền.

- Từ ngày 14/5/2018-14/6/2018: Thực hành và ôn tập. Sinh viên thực tập và ôn thi tốt nghiệp theo chuyên ngành đã bốc thăm được. Bộ môn Y học cổ truyền có kế hoạch phân công cụ thể và sắp xếp giảng viên, sinh viên thực hành ôn tập lâm sàng theo qui định.

- Thi tốt nghiệp: Dự kiến từ 25/06/2018 - 30/06/2018.

+ Sinh viên bốc thăm bệnh nhân cụ thể (được bộ môn chuẩn bị sẵn), làm bệnh án.

+ Bộ môn thành lập bàn hỏi thi lâm sàng (một bàn hỏi thi tối thiểu 2 giảng viên).

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: RHM1, RHM2, RHM3, RHM4, RHM5, RHM6

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K43: 175302A
- Năm thứ hai-K42: 165302A
- Năm thứ ba-K41: 155302A
- Năm thứ tư-K40: 145302A
- Năm thứ năm-K39: 135302A
- Năm thứ sáu-K38: 125302A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2023 – K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 80, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/366 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**12**	**186**	**5**	**180**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **19 tín chỉ/351 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
4.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**19**	**15**	**231**	**4**	**120**		

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2022 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 71, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/318 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
2.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	
3.	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Tiền lâm sàng I	2		0	2	60	Thi	
5.	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
6.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**11**	**168**	**5**	**150**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/375 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Dinh dưỡng và VSATTP	2	1	18	1	30	Thi	
3.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
4.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
6.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Sinh học miệng	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	**16**	**9**	**150**	**7**	**225**		

Ghi chú: *Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi **chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.*

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	14/05/2018-19/05/2018	21/05/2018-26/05/2018
RHM	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2021 - K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 84, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/420 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội cơ sở	2	1	18	1	45	Thi	
2.	Ngoại cơ sở	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Giải phẫu răng	3	1	18	2	60	Thi	
4.	Vật liệu – thiết bị nha khoa	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Mô phỏng lâm sàng	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**9**	**150**	**8**	**270**		

Ghi chú:

Chia 2 nhóm thực tập lâm sàng Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	27/11/2017 – 09/12/2017	11/12/2017 – 23/12/2017
Nhóm 1	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở
Nhóm 2	Ngoại cơ sở	Nội cơ sở

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/510 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	GP ứng dụng và PTTH hàm mặt	3	1	15	2	60	Thi	
2.	Mô phôi răng miệng	1	1	18	0	0	Thi	
3.	Cắn khớp học	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Bệnh học nội khoa	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Bệnh học ngoại khoa	3	1	18	2	90	Thi	
6.	Nhi khoa	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Phụ sản	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**1**	**135**	**9**	**375**		

Ghi chú:

+ *Thực tập lâm sàng Nội, Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.*
+ *Thực tập Ngoại tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Ung bướu;*
+ *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
12/03/2018-24/03/2018	Bệnh học nội khoa	Bệnh học ngoại khoa	Nhi khoa
26/03/2018-07/04/2018			Phụ sản
09/04/2018-21/04/2018	Bệnh học ngoại khoa	Nhi khoa	Bệnh học nội khoa
23/04/2018-05/05/2018		Phụ sản	
07/05/2018-19/05/2018	Nhi khoa	Bệnh học nội khoa	Bệnh học ngoại khoa
21/05/2018-02/06/2018	Phụ sản		

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2020 – K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 91, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/462 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	Thi	
2.	Tai mũi họng	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Mắt	2	1	18	1	45	Thi	
4.	Da liễu	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Thần kinh	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Mô phỏng lâm sàng	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Bệnh học miệng – hàm mặt 1	3	2	30	1	30	Thi	
8.	Phẫu thuật miệng I	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**9**	**147**	**8**	**315**		

Ghi chú: *chia 3 nhóm thực tập lâm sàng vào buổi sáng.*

+ *Thực tập Mắt tại Bệnh viện Mắt-Răng hàm mặt Cần Thơ, BVĐKTƯ Cần Thơ.*
+ *Thực tập Tai mũi họng tại Bệnh viện Tai-mũi-họng Cần Thơ.*
+ *Thực tập Thần kinh tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ*
+ *Thực tập YHCT tại Bệnh viện YHCT Cần Thơ*
+ *Thực tập Da liễu tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3
16/10/2017 - 28/10/2017	Da liễu	YHCT	TMH
30/10/2017 – 11/11/2017	YHCT	Da liễu	Thần kinh
13/11/2017 – 25/11/2017	Thần kinh	Mắt	YHCT
27/11/2017 – 09/12/2017	TMH	Thần kinh	Mắt
11/12/2017 – 23/12/2017	Mắt	TMH	Da liễu

Học kỳ 8: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/540 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sâu răng học	2	1	15	1	45	Thi	
2.	Cắn khớp học	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Nha chu I	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Phẫu thuật miệng II	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Chữa răng – nội nha I	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Bệnh học miệng – hàm mặt II	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Phục hình I	3	1	18	2	90	Thi	
8.	Phục hình II	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**9**	**150**	**9**	**390**		

NĂM THỨ NĂM

(Khóa 2013–2019 – K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 90, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 9: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/516 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
2.	Chỉnh hình răng mặt căn bản	3	2	36	1	30	Thi	
3.	Nha khoa phục hồi tổng quát I	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Chữa răng – nội nha II	4	1	18	3	135	Thi	
5.	Nha chu II	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Phục hình III	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**7**	**126**	**9**	**390**		

Ghi chú: *Chia 3 nhóm thực tập luân phiên vào buổi sáng do các bộ môn thuộc khoa Răng Hàm Mặt phụ trách:*

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
28/08/2017 - 09/09/2017	Chữa răng – nội nha II	Nha khoa phục hồi tổng quát I	Phục hình III
11/09/2017 - 23/09/2017			
25/09/2017 - 07/10/2017		*Chỉnh hình răng mặt căn bản (labo)*	Nha chu II
09/10/2017 - 21/10/2017	Phục hình III	Chữa răng – nội nha II	Nha khoa phục hồi tổng quát I
23/10/2017 - 04/11/2017			
06/11/2017 - 18/11/2017	Nha chu II		*Chỉnh hình răng mặt căn bản (labo)*
20/11/2017 - 02/12/2017	Nha khoa phục hồi tổng quát I	Phục hình III	Chữa răng – nội nha II
04/12/2017 - 16/12/2017			
18/12/2017 - 30/12/2017	*Chỉnh hình răng mặt căn bản (labo)*	Nha chu II	

Học kỳ 10: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/459 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Dân số, truyền thông và giáo dục SK	2	2	36			Thi	
3.	Nha khoa phục hồi tổng quát II	3			3	135	Thi	
4.	Phục hình IV	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Phẫu thuật hàm mặt	4	2	30	2	90	Thi	
6.	Nha công cộng	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**16**	**9**	**144**	**7**	**315**		

***Ghi chú**: Chia 3 nhóm thực tập luân phiên vào buổi sáng do các bộ môn thuộc khoa Răng Hàm Mặt phụ trách:*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
22/01/2018 – 10/02/2018	Nha khoa phục hồi tổng quát II (3 tuần)	Phục hình IV (3 tuần)	Phẫu thuật hàm mặt (3 tuần)
12/02/2018 – 24/02/2018	*Nghỉ Tết*		
26/2/2018 – 03/03/2018	Nha khoa phục hồi tổng quát II (3 tuần)	Phục hình IV (1 tuần)	Phẫu thuật hàm mặt (1 tuần)
05/03/2018 – 17/03/2018			
19/03/2018 – 14/04/2018	Phẫu thuật hàm mặt (4 tuần)	Nha khoa phục hồi tổng quát II (6 tuần)	Phục hình IV (4 tuần)
16/04/2018 – 28/04/2018			
02/05/2018 – 26/05/2018	Phục hình IV (4 tuần)	Phẫu thuật hàm mặt (4 tuần)	Nha khoa phục hồi tổng quát II (6 tuần)
28/05/2018 – 09/06/2018			

Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Răng Hàm Mặt tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2012–2018 - K38)

Tổng số sinh viên: 79, số lớp: 1

Học kỳ 11: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **24 ĐVHT/810 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Phẫu thuật hàm mặt 1	5	3	45	2	90	Thi	*Chia 6 nhóm thực hành luân khoa sáng chiều*
2.	Răng trẻ em 2	2			2	90	Thi	
3.	Chữa răng-Nội nha 2	2			2	90	Thi	
4.	Nha chu 2	5	1	15	4	180	Thi	
5.	Phục hình 4	8	2	30	6	270	Thi	
6.	Nhổ răng-Tiểu phẫu 3	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	**24**	**6**	**90**	**18**	**810**		

Ghi chú:

- Chia 6 nhóm thực tập lâm sàng sáng chiều từ 28/08/2017 đến 30/12/2017. Riêng chiều thứ 6 và sáng chiều ngày thứ 7 sẽ bố trí học lý thuyết.

- Thực tập luân khoa 6 khu lâm sàng: Khu Lâm Sàng 1, Khu Lâm Sàng 2, BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐK TPCT, BV Mắt-RHM, Trường Tiểu học Lê Bình – THCS Mỹ Khánh.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4	5	6
28/08/2017-09/09/2017	Nha chu 2		Nhổ răng-Tiểu phẫu 3	Phục hình 4		
11/09/2017-23/09/2017			Phẫu thuật hàm mặt 1			
25/09/2017-07/10/2017	Phẫu thuật hàm mặt 1	Nhổ răng-Tiểu phẫu 3	Chữa răng-Nội nha 2			
09/10/2017-21/10/2017	Răng trẻ em 2	Phẫu thuật hàm mặt 1	Nha chu 2		Chữa răng-Nội nha 2	Nhổ răng-Tiểu phẫu 3
23/10/2017-04/11/2017	Chữa răng-Nội nha 2	Răng trẻ em 2			Nhổ răng-Tiểu phẫu 3	Phẫu thuật hàm mặt 1
06/11/2017-18/11/2017	Nhổ răng-Tiểu phẫu 3	Chữa răng-Nội nha 2	Răng trẻ em 2	Phẫu thuật hàm mặt 1	Nha chu 2	
20/11/2017-02/12/2017	Phục hình 4			Răng trẻ em 2		
04/12/2017-16/12/2017				Chữa răng-Nội nha 2	Phẫu thuật hàm mặt 1	Răng trẻ em 2
18/12/2017-30/12/2017				Nhổ răng-Tiểu phẫu 3	Răng trẻ em 2	Chữa răng-Nội nha 2

Học kỳ 12: 18 tuần (22/01/2018 – 28/04/2018), **12 ĐVHT/540 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Phục hình 5	2			2	90	Thi	*Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng sáng chiều*
2.	Răng trẻ em 3	2			2	90	Thi	
3.	Phẫu thuật hàm mặt 2	2			2	90	Thi	
4.	Chữa răng-Nội nha 3	2			2	90	Thi	
5.	Thực tế	4			4	180	Thi	
6.	Tốt nghiệp Mác-Lênin và TTHCM	4	4				Thi	
7.	Thi tốt nghiệp/Luận văn tốt nghiệp	15	15				Thi	
	Tổng cộng	**12 / 19**			**12**	**540**		

***Ghi chú**:*

- Thực tế tại Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mặt Cần Thơ, Bệnh viện ĐK TƯ Cần Thơ và Bệnh viện Trường từ ngày 02/04/2018 đến ngày 28/04/2018 do Khoa Răng Hàm Mặt phụ trách.

- Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng sáng chiều theo lịch sau:

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
22/01//2018-03/02/2018	Phục hình 5	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2	Chữa răng-Nội nha 3
05/02/2018-10/02/2018	Chữa răng-Nội nha 3	Phục hình 5	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2
12/02/2018 đến 24/02/2018	***Nghỉ Tết***			
26/02/2018-03/03/2018	Chữa răng-Nội nha 3	Phục hình 5	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2
05/03/2018-17/03/2018	Phẫu thuật hàm mặt 2	Chữa răng-Nội nha 3	Phục hình 5	Răng trẻ em 3
19/03/2018-31/03/2018	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2	Chữa răng-Nội nha 3	Phục hình 5

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 07/05/2018 – 23/06/2018.

2. Học phần tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
- Báo cáo luận văn tốt nghiệp (12 ĐVHT) hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (12 ĐVHT) gồm :
  + Phần cơ sở ngành (3 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
  + Phần chuyên môn (9 ĐVHT): Vật liệu thiết bị nha khoa, Nha khoa hình thái, Nha khoa chức năng, Bệnh lý miệng, Tia X nha khoa, Răng trẻ em, Nha công cộng, Nhổ răng-Tiểu phẫu, Phẫu thuật hàm mặt, Chữa răng, Nha chu, Chỉnh hình răng, Phục hình.
- Thi tốt nghiệp lâm sàng (3 ĐVHT): thi chạy trạm:
  + 1 trạm bắt buộc là khám làm bệnh án Bệnh học miệng.
  + 2 trạm còn lại là bắt thăm chọn 2 trong 4 trạm thuộc các môn sau: Phục hình, Phẫu thuật - Nhổ răng, Chữa răng, Nha chu.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 09/06/2018.
- Báo cáo luận văn tốt nghiệp: 23/06/2018.
- Tốt nghiệp chuyên ngành và thi lâm sàng: 25/06/2018 – 30/06/2018.

** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ năm: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ sáu: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – thứ năm (đào tạo theo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với năm thứ sáu (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập lâm sàng

- Thực tập lâm sàng tại Khu lâm sàng 1 và 2- Khoa Răng Hàm Mặt, khu Lâm sàng Bệnh viện hoặc khu Mô phỏng lâm sàng. Ngoài ra sinh viên còn thực tập tại Trường tiểu học Lê Bình (quận Cái Răng) và Trường trung học cơ sở Mỹ Khánh (huyện Phong Điền).

- Sinh viên năm thứ năm có thêm 3 tuần thực tập hè (tự học). Khoa Răng Hàm Mặt sẽ tổ chức và quản lý sinh viên tự học (chia 2 nhóm, mỗi nhóm thực tập 3 tuần).

4. Luận văn / Thi tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2014 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học.

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thi tốt nghiệp lâm sàng (3 ĐVHT): thi chạy trạm:
  - + 1 trạm bắt buộc là khám làm bệnh án Bệnh học miệng.
  - + 2 trạm còn lại là bắt thăm chọn 2 trong 4 trạm thuộc các môn: Phục hình, Phẫu thuật - Nhổ răng, Chữa răng, Nha chu.

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: YHDP1, YHDP2, YHDP3, YHDP4, YHDP5, YHDP6

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K43: 175304A
- Năm thứ hai - K42: 165304A
- Năm thứ ba - K41: 155304A
- Năm thứ tư - K40: 145304A
- Năm thứ năm - K39: 135304A
- Năm thứ sáu - K38: 125304A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2023 – K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 120, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **15 tín chỉ/339 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Nhà nước và pháp luật	1	1	18			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**15**	**10**	**159**	**5**	**180**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/321 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**13**	**201**	**4**	**120**		

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2022 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 81, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/330 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Xác suất- Thống kê y học	2	2	30			Thi	
4.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
6.	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Tiền lâm sàng I	2			2	60	Thi	
8.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**18**	**14**	**210**	**4**	**120**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/402 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Dinh dưỡng và VSATTP	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
7.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**11**	**177**	**7**	**225**		

Ghi chú: *Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi* ***chiều*** *tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ và Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.*

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	14/05/2018-18/05/2018	21/05/2018-25/05/2018
YHDP	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2021 - K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 126, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/468 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
2.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Khoa học hành vi và GDSK I	2	2	30			Thi	
5.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
7.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**10**	**168**	**8**	**300**		

Ghi chú:

- *Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở I, Ngoại cơ sở I do Bộ môn Nội, Ngoại Khoa Y phụ trách*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ, NGOẠI CƠ SỞ

Thời gian	02/10/2017 – 28/10/2017	30/10/2017 – 25/11/2017
Nhóm 1	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở I
Nhóm 2	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở I

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/576 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
2.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Dân số học	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Khoa học hành vi và GDSK II	2	1	30	1	45	Thi	
5.	Y xã hội học và nhân học y học	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Khoa học môi trường và SKMT	3	2	30	1	45	Thi	
7.	Thực tập Y học dự phòng I	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**7**	**126**	**10**	**450**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập y học dự phòng I từ ngày 05/03/2018 đến 17/03/2018 do khoa YTCC cho địa điểm, phụ trách và hướng dẫn.

Thực tập Dân số học tại các Trung tâm y tế và cộng đồng do bộ môn Thống kê và Dân số học khoa YTCC phụ trách.

- Thực tập Khoa học hành vi và GDSK II, Y xã hội học và nhân học y học, Khoa học môi trường và SKMT tại cộng đồng do các bộ môn thuộc khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở II, Ngoại cơ sở II.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ, NGOẠI CƠ SỞ

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
02/04/2018 – 28/04/2018	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở II
02/05/2018 – 26/05/2018	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2020 – K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 107, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/483 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý I	3	2	30	1	45	Thi	
2.	Ngoại bệnh lý I	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Phụ sản I	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Nhi I	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Truyền nhiễm	3	1	30	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**168**	**7**	**315**		

***Ghi chú**:*

Cả lớp chia thành 4 nhóm thực tập lâm sàng do các bộ môn thuộc khoa Y phụ trách.

+ Thực tập Truyền nhiễm tại BVĐKTƯ Cần Thơ

+ Thực tập Nội bệnh lý I tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ

+ Thực tập Ngoại bệnh lý I tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ, BV Trường

+ Thực tập Phụ sản I tại khoa Sản BVĐKTƯ Cần Thơ.

+ Thực tập Nhi I tại Bệnh viện nhi đồng Cần Thơ

+ Thực tập Y học cổ truyền tại bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm / Thời gian	1	2	3	4
04/09/2017-16/09/2017	-	Truyền nhiễm	-	-
18/09/2017-30/09/2017	Nội bệnh lý I		Nội bệnh lý I	Y học cổ truyền
02/10/2017-14/10/2017	Ngoại bệnh lý I	Nội bệnh lý I	Truyền nhiễm	Nội bệnh lý I
16/10/2017-28/10/2017	Nhi I	Ngoại bệnh lý I		Ngoại bệnh lý I
30/10/2017-11/11/2017	Phụ sản I	Nhi I	Ngoại bệnh lý I	Truyền nhiễm
13/11/2017-25/11/2017	Y học cổ truyền	Phụ sản I	Nhi I	
27/11/2017-09/12/2017	Truyền nhiễm	Y học cổ truyền	Phụ sản I	Nhi I
11/12/2017-23/12/2017			Y học cổ truyền	Phụ sản I

Học kỳ 8: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/438 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý II	2	1	18	1	45	Thi	
2.	Ngoại bệnh lý II	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Phụ sản II	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Nhi II	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Kinh tế y tế	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Dịch tễ học I	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sức khỏe nghề nghiệp	4	3	45	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**153**	**7**	**285**		

***Ghi chú**:*

Cả lớp chia thành 4 nhóm thực tập lâm sàng do các bộ môn thuộc khoa Y phụ trách.

+ Thực tập Nội bệnh lý II tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ

+ Thực tập Ngoại bệnh lý II tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ, BV Trường

+ Thực tập Phụ sản II tại khoa Sản BVĐKTƯ Cần Thơ.

+ Thực tập Nhi II tại Bệnh viện nhi đồng Cần Thơ.

+ Thực tập Sức khỏe nghề nghiệp tại cộng đồng do bộ môn Sức khỏe môi trường khoa Y tế công cộng phụ trách.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm / Thời gian	1	2	3	4
02/04/2018-14/04/2018	Nội bệnh lý II	Nhi II	Phụ sản II	Ngoại bệnh lý II
16/04/2018-28/04/2018	Ngoại bệnh lý II	Nội bệnh lý II	Nhi II	Phụ sản II
07/05/2018-19/05/2018	Phụ sản II	Ngoại bệnh lý II	Nội bệnh lý II	Nhi II
21/05/2018-02/06/2018	Nhi II	Phụ sản II	Ngoại bệnh lý II	Nội bệnh lý II

NĂM THỨ NĂM

(Khóa 2013–2019 – K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 103, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 9: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, 2 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/504 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Lao	2	1	18	1	45	Thi	
2.	Răng Hàm Mặt	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Tai Mũi Họng	2	1	18	1	45	Thi	
4.	Mắt	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Da liễu	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Phục hồi chức năng	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Thần kinh	2	1	18	1	45	Thi	
8.	Tâm thần	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**8**	**144**	**8**	**360**		

Ghi chú: *chia 4 nhóm thực tập lâm sàng vào buổi sáng.*

+ *Thực tập Mắt, Răng hàm mặt tại Bệnh viện Mắt-Răng hàm mặt Cần Thơ, BVĐKTƯ Cần Thơ.*
+ *Thực tập Tai mũi họng tại Bệnh viện Tai-mũi-họng Cần Thơ.*
+ *Thực tập Thần kinh tại BVĐKTƯ Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ*
+ *Thực tập Lao tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Cần Thơ*
+ *Thực tập Da liễu tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ.*
+ *Thực tập Tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Cần Thơ*
+ *Thực tập Phục hồi chức năng tại trung tâm CTCH và PHCN Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
04/09/2017 – 16/09/2017	Lao	Thần kinh	TMH	Mắt
18/09/2017 – 30/09/2017	Mắt	Lao	Thần kinh	TMH
02/10/2017 – 14/10/2017	TMH	Mắt	Lao	Thần kinh
16/10/2017 - 28/10/2017	Thần kinh	TMH	Mắt	Lao
30/10/2017 – 11/11/2017	Da liễu	RHM	Tâm thần	PHCN
13/11/2017 – 25/11/2017	PHCN	Da liễu	RHM	Tâm thần
27/11/2017 – 09/12/2017	Tâm thần	PHCN	Da liễu	RHM
11/12/2017 – 23/12/2017	RHM	Tâm thần	PHCN	Da liễu

Học kỳ 10: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/465 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sức khỏe sinh sản	1	1	15			Thi	
2.	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm II	4	2	30	2	90	Thi	
3.	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	45			Thi	
5.	Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế	3	2	30	1	45	Thi	
6.	Y học gia đình	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Thực tập Y học dự phòng II	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**150**	**7**	**315**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Y học dự phòng II cả ngày từ 19/03/2018 đến 31/03/2018 do khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập sức khỏe lứa tuổi, sức khỏe môi trường II tại cộng đồng do Bộ môn Sức khoẻ môi trường khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế tại cộng đồng do bộ môn Tổ chức và quản lý y tế khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Y học gia đình tại phòng khám Y học gia đình BV Trường và các phòng khám Y học gia đình.

Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018. Khoa Y tế công cộng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2012–2018 – K38)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 74, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 11: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **20 tín chỉ/555 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dinh dưỡng –an toàn thực phẩm 2	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Khoa học môi trường & SKMT 2	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Y xã hội học và nhân học y học	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Thống kê y học	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	45			Thi	
6.	Thực tập Y học dự phòng 3	3			3	135	Thi	
7.	Thực tập Y học dự phòng 4	3			3	135	Thi	*Tự chọn*
	Tổng cộng	**20**	**10**	**150**	**10**	**405**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Y học dự phòng 3, 4 cả ngày từ 06/11/2017 đến 30/12/2017 do Khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường 2 tại Trung tâm y học dự phòng TP.Cần Thơ và cộng đồng theo kế hoạch của Bộ môn Sức khoẻ môi trường.

Học kỳ 12: 15 tuần (22/01/2018 – 05/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/465 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Y học đáp ứng với thảm hoạ	2	2	30			Thi	*Tự chọn*
2.	Chương trình y tế quốc gia	3	3	45			Thi	*Tự chọn*
3.	Kỹ năng xét nghiệm vi sinh	2			2	90	Thi	*Tự chọn*
4.	Kỹ năng xét nghiệm SKMT và SKNN	2			2	90	Thi	*Tự chọn*
5.	Luận văn tốt nghiệp	7			7	210	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**5**	**75**	**11**	**390**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Kỹ năng xét nghiệm vi sinh và Kỹ năng xét nghiệm SKMT và SKNN tại Trung tâm y tế dự phòng Cần Thơ và các cơ sở y tế trong TP.Cần Thơ.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ năm: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ sáu: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2010.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập lâm sàng

Cả lớp chia thành 2 nhóm thực tập lâm sàng chung với lớp Y đa khoa và Răng hàm mặt do khoa Y phụ trách.

4. Luận văn tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2014 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học.

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện luận văn: từ 14/05/2018 – 02/06/2018.

- Báo cáo luận văn tốt nghiệp: 23/06/2018.

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

5. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: D1, D2, D3, D4, D5.
- Thứ tự lớp: A, B

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K43: 175303A
- Năm thứ hai-K42: 165303A
- Năm thứ ba-K41: 155303A, 155303B
- Năm thứ tư-K40: 145303A, 145303B
- Năm thứ năm-K39: 135303A, 135303B

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2022 – K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 140, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **14 tín chỉ/309 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
2.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
3.	Hoá đại cương vô cơ	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			Thi	
5.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Vật lý	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	**14**	**10**	**159**	**4**	**150**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/321 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Hoá hữu cơ	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**13**	**201**	**4**	**120**		

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2021 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số sinh viên: 69, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **15 tín chỉ/261 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý Y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
3.	Dân số - Truyền thông và GD sức khoẻ	2	2	36			Thi	
4.								
5.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
6.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Hoá lý dược	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**15**	**13**	**201**	**2**	**60**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/366 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý	4	3	45	1	30	Thi	
2.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
3.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Hoá phân tích I	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Thực vật dược	4	2	30	2	60	Thi	
6.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**156**	**7**	**210**		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2020 - K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số sinh viên: 132, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/309 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
4.	Hoá phân tích II	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Dược động học	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Pháp chế dược	3	2	36	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**12**	**189**	**4**	**120**		

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/366 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Bệnh học Nội khoa	3	3	54			Thi	
2.	Dược lý I	2	2	36			Thi	
3.	Dược liệu I	4	2	30	2	60	Thi	
4.	Hoá dược I	4	2	36	2	60	Thi	
5.	Bào chế & Công nghiệp dược I	4	2	30	2	60	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**11**	**186**	**6**	**180**		

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2019 – K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 214, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/351 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dược lý II	5	3	45	2	60	Thi	
2.	Dược liệu II	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Hoá dược II	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Dược cộng đồng	2	2	36			Thi	
5.	Bào chế & Công nghiệp dược II	4	2	30	2	60	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**11**	**171**	**6**	**180**		

Học kỳ 8: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/384 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Quản lý và kinh tế dược	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Độc chất học	2	1	18	1	30	Thi	
3.	Dược học cổ truyền	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Kiểm nghiệm dược phẩm I	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Dược lâm sàng I	2	1	18	1	30	Thi	
6.	Một số dạng thuốc đặc biệt	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Thực hành dược khoa	2			2	60	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**9**	**144**	**8**	**240**		

***Ghi chú**:*

Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Dược tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ NĂM

(Khóa 2013–2018 – K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 230, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 9: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **15 tín chỉ/342 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dược cộng đồng	2	2	36			Thi	
2.	Dược lâm sàng II	4	2	30	2	60	Thi	
3.	Nghiên cứu phát triển thuốc mới	1	1	15			Thi	
4.	Hoá trị liệu	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Kiểm nghiệm dược phẩm II	2	1	18	1	30	Thi	
6.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn I	4	2	30	2	60	Thi	*Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần*
	Tổng cộng	**15**	**9**	**144**	**6**	**180**		

***Ghi chú**:*

Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần thuộc 2 nhóm định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn sau:

Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
		Lý thuyết		Thực hành			
		Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
Nhóm Quản lý và cung ứng thuốc – Dược lâm sàng							
Định hướng cơ bản chuyên khoa dược lâm sàng I	4	2	30	2	60	Thi	
Sản xuất và phát triển thuốc mới – Dược liệu – Đảm bảo chất lượng thuốc							
Định hướng cơ bản chuyên khoa dược liệu	4	2	30	2	60	Thi	

Học kỳ 10: 15 tuần (22/01/2018 – 12/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi, 3 tuần đi thực tế), **12 tín chỉ/345 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn II	9	4	60	5	150	Thi	*Sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm*
2.	Thực tập cơ sở	3			3	135	Thi	
3.	Chuyên đề tốt nghiệp/ Thi kiến thức chuyên ngành tổng	4	4				Thi	
	Tổng cộng	**12/4**	**4**	**60**	**8**	**285**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập cơ sở cả ngày từ 16/04/2018 đến ngày 05/05/2018 theo kế hoạch của Khoa Dược.

- Sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn sau:

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
	Nhóm Quản lý và cung ứng thuốc – Dược lâm sàng							
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa quản lý dược	6	3	45	3	90	Thi	
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa dược lâm sàng II	3	1	15	2	60	Thi	
	Sản xuất và phát triển thuốc mới – Dược liệu – Đảm bảo chất lượng thuốc							
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa sản xuất và phát triển thuốc mới	4	2	30	2	60	Thi	
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa kiểm nghiệm thuốc	5	2	30	3	90	Thi	

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập / Thực tế

- Thực hành tại BV Đa khoa trung ương Cần Thơ, BV Đa khoa thành phố Cần Thơ, BV Nhi đồng Cần Thơ và BV Y học dân tộc thành phố Cần Thơ. Ngoài ra, sinh viên còn thực tập tại công ty cổ phần Dược Hậu Giang.

- Sinh viên năm thứ tư có thêm 3 tuần thực tập hè (tự học). Khoa Dược sẽ tổ chức và quản lý sinh viên tự học (chia 2 nhóm, mỗi nhóm thực tập 3 tuần).

4. Tốt nghiệp

- Sinh viên đạt điểm trung bình chung học tập khi tích lũy 70-80% kiến thức toàn khóa học đạt loại giỏi trở lên, không nợ học phần nào tính đến thời điểm đăng ký và không bị gián đoạn hoặc bị kỷ luật trong quá trình học được đăng ký làm luận văn tốt nghiệp.

  + Thời gian đăng ký và thực hiện: theo thông báo.
  + Ngày báo cáo luận văn: 23/06/2018.

- Các sinh viên còn lại thi kiến thức chuyên ngành tổng hợp 75 nội dung gồm Hóa lý, Dược lý, Dược liệu, Quản lý dược, Công nghiệp dược, Kiểm nghiệm, Hóa dược, Dược lâm sàng, Bào chế.

  + Thời gian ôn thi: từ 14/05/2018 – 23/06/2018.
  + Ngày thi: 25/06/2018 – 30/06/2018.
  + Ngày thi lại (dự kiến): *17/09/2018 – 22/09/2018.*

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

6. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: ĐD1, ĐD2, ĐD3, ĐD4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

+ Năm thứ hai-K43: 175305A
+ Năm thứ hai-K42: 165305A
+ Năm thứ ba-K41: 155305A
+ Năm thứ tư-K40: 145305A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021, K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 80, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **15 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn I	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
4.	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý và Lý sinh	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Sinh học và Di truyền	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**15**	**11**	**165**	**4**	**150**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/318 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Sức khoẻ - Nâng cao SK & hành vi con người	1	1	18			Thi	
4.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Hóa học	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**13**	**198**	**4**	**120**		

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 39, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/345 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Điều dưỡng cơ sở I	4	2	30	2	60	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**11**	**165**	**6**	**180**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/399 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
3.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Dinh dưỡng - Tiết chế	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	2			2	90	Thi	
7.	Điều dưỡng cơ sở II	3	1	18	2	60	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**8**	**129**	**8**	**270**		

***Ghi chú**:*

Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ sở tại Bệnh viện trường ĐHYD Cần Thơ từ ngày 07/05/2018 đến ngày 02/06/2018.

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019, K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 64, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/468 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	Thi	
3.	Sức khoẻ môi trường	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	1	18	1	45	Thi	
5.	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD I	2	1	18	1	45	Thi	
6.	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I	3	1	18	2	90	Thi	
7.	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**8**	**138**	**8**	**330**		

***Ghi chú**:*

+ *Cả lớp chia thành 3 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa: CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I, CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I tại bệnh viện ĐK TƯ Cần Thơ, SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD I tại BV phụ sản Cần Thơ, KSNK trong thực hành điều dưỡng tại BV Trường.*

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm / Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
02/10/2017-14/10/2017	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I	KSNK trong thực hành điều dưỡng
16/10/2017-28/10/2017			SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD I
30/10/2017-11/11/2017	KSNK trong thực hành điều dưỡng	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I
13/11/2017-25/11/2017	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD I		
27/11/2017-09/12/2017	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I	KSNK trong thực hành điều dưỡng	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I
11/12/2017-23/12/2017		SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD I	

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/525 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Pháp luật - Tổ chức Y tế	2	1	18	1	30	Thi	
2.	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II	2	1	15	1	45	Thi	
3.	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Chăm sóc cho người cần được PHCN	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em I	2	1	18	1	45	Thi	
8.	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**8**	**135**	**9**	**390**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng từ ngày 21/05/2018 đến 02/06/2018.

- Lớp chia thành 3 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm / Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
26/02/2018-10/03/2018	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II	CS người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I
12/03/2018-24/03/2018	CS người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II
26/03/2018-07/04/2018	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II	CS người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II
09/04/2018-21/04/2018	Chăm sóc cho người cần được PHCN	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em I
23/04/2018-05/05/2018	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em I	Chăm sóc cho người cần được PHCN	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần
07/05/2018-19/05/2018	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em I	Chăm sóc cho người cần được PHCN

- Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2018, K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 89, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/522 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	Thi	*Chia 2 nhóm thực tập luân khoa.*
2.	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa III	4	2	30	2	90	Thi	
3.	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa III	4	2	30	2	90	Thi	
4.	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD II	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em II	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi	1	1	18			Thi	
8.	Sức khoẻ - Nâng cao SK & hành vi con người	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	**18**	**10**	**162**	**8**	**360**		

***Ghi chú**:*

+ Thực hành CSSK người lớn có bệnh Nội khoa III tại Khoa Nội của BV ĐK TƯ Cần Thơ, BV Trường, BV Lao và Bệnh phổi Cần Thơ và Bệnh viện Da liễu Cần Thơ.

+ Thực hành CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa III tại Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Tai Mũi Họng và BV Trường.

+ Thực hành SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD II tại BV phụ sản Cần Thơ.

+ Thực hành Chăm sóc sức khoẻ trẻ em II tại Khoa Nội Nhi của BV Nhi Đồng Cần Thơ.

+ Thực hành Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm tại BV ĐK TƯ Cần Thơ.

+ Thực hành Y học cổ truyền tại Bệnh viện y học cổ truyền Cần Thơ.

+ Thực hành Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại BV ĐK TƯ Cần Thơ, BV Trường.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
04/09/2017 – 30/09/2017	CSSK NLCB Nội khoa III	CSSK NLCB Ngoại khoa III
02/10/2017 – 28/10/2017	CSSK NLCB Ngoại khoa III	CSSK NLCB Nội khoa III
30/10/2017 – 11/11/2017	SK PN, BM, GDD và CS ĐD II	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em II
13/11/2017 – 25/11/2017	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em II	SK PN, BM, GDD và CS ĐD II
27/11/2017 – 09/12/2017	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Y học cổ truyền
11/12/2017 – 23/12/2017	Y học cổ truyền	CSSK người bệnh truyền nhiễm

Học kỳ 8: 13 tuần (22/01/2018 – 05/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi),

16 tín chỉ/649 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Đường lối CM của ĐCS VN	3	3	45			Thi	
2.	Quản lý điều dưỡng	2	1	18	1	30	Thi	
3.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn	8	2	36	6	270	Thi	
4.	Luận văn/Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3			3	135	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**6**	**99**	**10**	**435**		

***Ghi chú**:*

+ *Thực hành Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn vào buổi sáng từ ngày 05/02/2018 đến ngày 28/04/2018.*
+ *Kiến thức chuyên ngành tổng hợp có 75 nội dung gồm Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa, chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa, Sức khỏe phụ nữ - bà mẹ - gia đình và chăm sóc điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em.*

ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CHUYÊN KHOA TỰ CHỌN

(chọn 1 trong 5 học phần)

TT	Tên học phần	Số TC
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nội khoa	8
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Ngoại khoa	8
3	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Sản-Phụ khoa	8
4	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nhi khoa	8
5	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Mắt, Tai-Mũi-Họng, Răng-Hàm-Mặt	8

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập / Thực tế

- Sinh viên năm thứ 3 chia 2 nhóm thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

4. Định hướng cơ bản chuyên khoa

- Đầu năm thứ 4 sinh viên đăng ký định hướng cơ bản chuyên khoa. Tùy vào số lượng đăng ký từng chuyên khoa mà Trường sẽ xét duyệt lại cho phù hợp.
- Thực tập 12 tuần buổi sáng, buổi chiều học lý thuyết.

5. Tốt nghiệp

- Sinh viên đạt điểm trung bình chung học tập khi tích lũy 70-80% kiến thức toàn khóa học đạt loại giỏi trở lên, không nợ học phần nào tính đến thời điểm đăng ký và không bị gián đoạn hoặc bị kỷ luật trong quá trình học được đăng ký làm luận văn tốt nghiệp.
  + Thời gian đăng ký và thực hiện: theo thông báo.
  + Ngày báo cáo luận văn: 23/06/2018.
- Các sinh viên còn lại thi kiến thức chuyên ngành tổng hợp có 75 nội dung gồm Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa, chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa, Sức khỏe phụ nữ - bà mẹ - gia đình và chăm sóc điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em.
  + Thời gian ôn thi: từ 14/05/2018 – 23/06/2018.
  + Ngày thi: 25/06/2018 – 30/06/2018.
  + *Ngày thi lại (dự kiến): 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

7. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

Ngành-năm: YTCC1, YTCC2, YTCC3, YTCC4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất – K43: 175306A
- Năm thứ hai – K42: 165306A
- Năm thứ ba – K41: 155306A
- Năm thứ tư – K40: 145306A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021 - K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 40, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **15 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn I	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
4.	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý và Lý sinh	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Sinh học và Di truyền	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**15**	**11**	**165**	**4**	**150**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Hóa học	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**12**	**180**	**4**	**120**		

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 10, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/375 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Các bệnh thông thường I	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Sức khoẻ nghề nghiệp cơ bản	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**11**	**165**	**6**	**210**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Các bệnh thông thường I buổi sáng từ ngày 20/11/2017 đến ngày 02/12/2017 tại Bệnh viện Đa khoa TP.Cần Thơ do bộ môn Y học gia đình Khoa Y phụ trách.

- Thực tập Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản tại Trung tâm bảo vệ sức khoẻ lao động và môi trường TP.Cần Thơ và các cơ sở, xí nghiệp theo kế hoạch của Bộ môn Sức khoẻ môi trường.

- Thực tập Sức khỏe môi trường cơ bản tại Trung tâm y học dự phòng TP.Cần Thơ và cộng đồng theo kế hoạch của Bộ môn Sức khoẻ môi trường

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/393 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	30			Thi	
3.	Chính sách y tế	2	2	30			Thi	
4.	Dịch tễ học cơ bản	2	2	30			Thi	
5.	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý CB	2	2	30			Thi	
6.	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	2	30			Thi	
7.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
8.	Thực tập cộng đồng I	2			2	90	BC	
	Tổng cộng	**17**	**13**	**183**	**4**	**210**		

***Ghi chú**: - Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi **chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, BV ĐK TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.*

- Học phần Thực tập cộng đồng I thực tập cả ngày, liên tục 2 tuần từ 05/03/2018 đến 17/03/2018.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	14/05/2018-19/05/2018	21/05/2018-26/05/2018
YTCC	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019, K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 30, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/288 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
2.	Các bệnh thông thường II	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Quản lý dịch vụ y tế	3	3	45			Thi	
4.	Sức khoẻ sinh sản	2	2	30			Thi	
5.	Kế hoạch y tế	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
7.	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**15**	**228**	**2**	**60**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Các bệnh thông thường II từ ngày 04/12/2017 đến ngày 16/12/2017 tại Bệnh viện Đa khoa TP.Cần Thơ do bộ môn Y học gia đình Khoa Y phụ trách.

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/435 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nâng cao sức khỏe	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Nghiên cứu định tính	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Dân số và phát triển	2	2	30			Thi	
4.	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Thống kê dân số y tế	2	1	15	1	30	Thi	
8.	Thực tập cộng đồng II	2			2	90	BC	
	Tổng cộng	**17**	**9**	**135**	**8**	**300**		

***Ghi chú**:*

- Học phần Thực tập cộng đồng II thực tập cả ngày, liên tục 2 tuần từ 05/03/2018 đến 17/03/2018.

- Thực tập Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng do bộ môn Dịch tễ học phụ trách.

- Thực tập Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng từ ngày 21/05/2018 đến ngày 02/06/2018 do bộ môn Phục hồi chức năng khoa Y phụ trách.

- Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018 ở các trung tâm, chi cục chuyên ngành liên quan của Sở Y tế Cần Thơ, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Y tế công cộng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2018, K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 39, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/438 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Y học gia đình	2	1	15	1	45	Thi	
2.	Thực tập cộng đồng III	3			3	135	BC	
3.	Y học thảm họa	1	1	18			Thi	
4.	Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Truyền thông về DS-KHHGĐ	2	1	15	1	45	Thi	
8.	Chính sách Dân số	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**150**	**8**	**345**		

***Ghi chú**:*

- Thực tập Y học gia đình tại các phòng khám Y học gia đình do bộ môn Y học gia đình Khoa Y phụ trách.

- Thực tập Sức khỏe lứa tuổi tại cộng đồng do bộ môn Sức khỏe môi trường khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Truyền thông về DS-KHHGĐ do bộ môn Thống kê - Dân số khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng do bộ môn Dịch tễ học phụ trách.

- Thực tập cộng đồng III cả ngày từ ngày 27/11/2017 đến ngày 16/12/2017.

Học kỳ 8: 14 tuần (22/01/2018 – 12/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, tuần ôn thi và thi), **13 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Đường lối CM của ĐCS VN	3	3	45			Thi	
2.	Tự chọn	10	2	30	8	240	Thi	
3.	Luận văn/Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3					Thi	
	Tổng cộng	**13**	**5**	**75**	**8**	**240**		

HỌC PHẦN TỰ CHỌN (CHỌN 1 TRONG 2 NHÓM)

NHÓM 1: Y TẾ DỰ PHÒNG, DD-VSATTP VÀ SKMT	NHÓM 2. TT-GDSK – SKSS VÀ HIV/AIDS
Tiêm chủng mở rộng và vắc xin trong công tác phòng chống dịch bệnh (5TC)	Truyền thông giáo dục sức khỏe (5TC)
Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm và Sức khỏe môi trường – SKNN (5TC)	Dân số KHHGĐ - Sức khỏe sinh sản – HIV/AIDS (5TC)

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Học phần tự chọn

Sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm tự chọn, mỗi nhóm có 2 học phần, mỗi học phần 5 tín chỉ.

4. Tốt nghiệp

- Sinh viên đạt điểm trung bình chung học tập khi tích lũy 70-80% kiến thức toàn khóa học đạt loại giỏi trở lên, không nợ học phần nào tính đến thời điểm đăng ký và không bị gián đoạn hoặc bị kỷ luật trong quá trình học được đăng ký làm luận văn tốt nghiệp.
  + Thời gian đăng ký và thực hiện: theo thông báo.
  + Ngày báo cáo luận văn: 23/06/2018.
- Các sinh viên còn lại thi kiến thức chuyên ngành tổng hợp 75 nội dung gồm Dịch tễ học, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế, Nâng cao sức khỏe, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Thống kê dân số.
  + Thời gian ôn thi: từ 14/05/2018 – 23/06/2018.
  + Ngày thi: 25/06/2018 – 30/06/2018.
  + Ngày thi lại (dự kiến): *17/09/2018 – 22/09/2018.*

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

8. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

+ Ngành-năm: XN1, XN2, XN3, XN4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

+ Năm thứ nhất - K43 : 175307A
+ Năm thứ hai - K42 : 165307A
+ Năm thứ ba - K41 : 155307A
+ Năm thứ tư - K40 : 145307A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017 –2021- K43)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 80, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 19 tuần (11/09/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **15 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn I	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
4.	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý và Lý sinh	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Sinh học và Di truyền	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**15**	**11**	**165**	**4**	**150**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
4.	Hóa học	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**12**	**180**	**4**	**120**		

Học kỳ hè: 3 tuần (09/07/2018 – 18/08/2018), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**8**	**7**	**105**	**1**	**45**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016 –2020- K42)
Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 45, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/351 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Xét nghiệm cơ bản	3	1	18	2	60	Thi	
3.	Mô phôi	1	1	18			Thi	
4.	Hoá sinh I	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Vi sinh I	3	1	15	2	60	Thi	
6.	Ký sinh trùng I	3	1	15	2	60	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**9**	**141**	**7**	**210**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/405 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi Chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	1	18			Thi	
2	Huyết học tế bào I	3	1	15	2	60	Thi	
3	Hoá sinh II	4	1	18	3	90	Thi	
4	Vi sinh II	3	1	15	2	60	Thi	
5	Ký sinh trùng II	3	1	15	2	60	Thi	
6	Dược lý	1	1	18			Thi	
7	Dinh dưỡng - VS an toàn thực phẩm	1	1	18			Thi	
8	TCYT- Chương trình YT quốc gia - GDSK	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**8**	**135**	**9**	**270**		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015 –2019- K41)
Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 78, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/390 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Huyết học tế bào II	3	1	15	2	60	Thi	
2.	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Xét nghiệm tế bào I	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Hóa sinh III	3	1	15	2	60	Thi	
5.	Vi sinh III	3	1	15	2	60	Thi	
6.	Ký sinh trùng III	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**8**	**120**	**9**	**270**		

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/534 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi Chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Huyết học đông máu và huyết học truyền máu	3	1	18	2	60	Thi	
2	Sức khoẻ môi trường	1	1	18			Thi	
3	Xét nghiệm tế bào II	2	1	15	1	30	Thi	
4	Y sinh học phân tử	2	1	18	1	30	Thi	
5	Vi sinh IV	3	1	15	2	60	Thi	
6	Thực tập KTXN I: Vi sinh-Ký sinh trùng	3			3	135	Thi	
7	Thực tập KTXN II: Hoá sinh	3			3	135	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**5**	**84**	**12**	**450**		

***Ghi chú**: Chia 2 nhóm thực hành xét nghiệm buổi sáng từ ngày 19/03/2018 đến ngày 09/06/2018 tại bệnh viện Trường, BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐK TPCT, BV Nhi đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC HÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM

Nhóm / Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
19/03/2018 – 28/04/2018	Vi sinh-Ký sinh trùng	Hoá sinh
03/05/2018 – 09/06/2018	Hoá sinh	Vi sinh-Ký sinh trùng

***Ghi chú**: Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng và KTYH tổ chức và quản lý sinh viên tự học.*

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014 –2018- K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 93, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/438 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng Tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	18	1	30	Thi	
2	Bệnh học Nội khoa	1	1	18			Thi	
3	Bệnh học Ngoại khoa	1	1	18			Thi	
4	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	1	1	18			Thi	
5	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm và chống nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	18	1	30	Thi	
6	Đường lối CM của ĐCS VN	3	3	45			Thi	
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
8	Thực tập KTXN III: Huyết học	3			3	135	Thi	
9	Thực tập KTXN IV: Xét nghiệm tế bào	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**9**	**153**	**7**	**285**		

***Ghi chú**: Chia 2 nhóm thực hành kỹ thuật xét nghiệm buổi sáng tại bệnh viện Trường, BV ĐKTƯ Cần Thơ, BV ĐK TPCT, BV Nhi đồng Cần Thơ. Mỗi học phần thực tập 6 tuần, **riêng Xét nghiệm tế bào thực tập 4 tuần**.*

LỊCH THỰC HÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM

Nhóm / Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
09/10/2017 – 04/11/2017	Huyết học	Xét nghiệm tế bào
06/11/2017 – 18/11/2017		*Nghỉ 2 tuần*
20/11/2017 – 16/12/2017	Xét nghiệm tế bào	Hoá sinh
18/12/2017 – 30/12/2017	*Nghỉ 2 tuần*	

Học kỳ 8: 16 tuần (22/01/2018 – 12/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi),
18 tín chỉ/720 tiết

TT	Tên học phần	Tổng Tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi Chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn I	5	1	15	4	180	Thi	
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn II	5	1	15	4	180	Thi	
3	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn III	5	1	15	4	180	Thi	
4	Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3			3	135	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**3**	**45**	**15**	**675**		

***Ghi chú**:*

- Học lý thuyết Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn từ ngày 22/01/2018 đến 27/01/2018.

- Thực tập Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn cả ngày từ 29/01/2018 đến 05/05/2018 (trừ 2 tuần nghỉ Tết).

ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CHUYÊN KHOA TỰ CHỌN
(chọn 1 trong 5 môn, mỗi môn có 3 học phần)

TT	Tên học phần	TC
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh - Ký sinh trùng I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh - Ký sinh trùng II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh - Ký sinh trùng III	5
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh III	5
3	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học III	5
4	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y sinh học – Di truyền I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y sinh học – Di truyền II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y sinh học – Di truyền III	5
5	Định hướng cơ bản chuyên khoa Xét nghiệm tế bào I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Xét nghiệm tế bào II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Xét nghiệm tế bào III	5

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập

Sinh viên năm thứ 3 chia 2 nhóm thực tập hè (tự học) từ 09/07/2018 đến 18/08/2018 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

4. Tốt nghiệp

Thi kiến thức chuyên ngành tổng hợp có 75 nội dung gồm Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh – Ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào.

+ Thời gian ôn thi: từ 14/05/2018 – 23/06/2018.
+ Ngày thi: 25/06/2018 – 30/06/2018.
+ Ngày thi lại *(dự kiến): 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY

9. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: $Y^4$1, $Y^4$2, $Y^4$3, $Y^4$4
- Thứ tự lớp: A, B, C, D

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K31: 173301A, 173301B, 173301C, 173301D
- Năm thứ hai - K30: 163301A, 163301B, 163301C, 163301D
- Năm thứ ba - K29: 153301A, 153301B, 153301C, 153301D
- Năm thứ tư - K28: 143301A, 143301B, 143301C, 143301D

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021, K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 300, số lớp SV chuyên ngành: 4

Học kỳ 1: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Những NLCB của CNMLN	2	2	30			Thi	
2.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
3.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
4.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Anh văn	3	3	45			Thi	
6.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
7.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**15**	**225**	**3**	**90**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/230 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
7.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**12**	**180**	**5**	**150**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K30)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 296, số lớp SV chuyên ngành: 4

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **19 tín chỉ/471 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Dược lý	2	2	30			Thi	
4.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Phẫu thuật thực hành	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Nội cơ sở	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Ngoại cơ sở	4	2	30	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**19**	**11**	**171**	**8**	**300**		

***Ghi chú**: Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.*

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm / Thời gian	Y-AB	Y-CD
30/10/2017-25/11/2017	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở
27/11/2017-23/12/2017	Ngoại cơ sở	Nội cơ sở

Học trước lý thuyết Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản, Nhi khoa của học kỳ 2 (dự kiến từ ngày 27/12/2017 đến 23/12/2017)

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **19 tín chỉ/558 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khoẻ	1	1	18			Thi	
3.	Dịch tễ học	2	2	30			Thi	
4.	Huyết học cơ bản	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	*Lớp AB*
6.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
7.	Nhi khoa I	3	1	18	2	90	Thi	
8.	Nhi khoa II	3	1	18	2	90	Thi	
9.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	*Lớp CD*
10.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
11.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	Thi	
12.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**19**	**10**	**168**	**9**	**390**		

Ghi chú:

Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản, Nhi khoa.

+ *Thực tập Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản tại bệnh viện Đa khoa TƯ Cần Thơ, bệnh viện ĐK TP.Cần Thơ, bệnh viện Phụ sản Cần Thơ*
+ *Thực tập Nhi khoa tại bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Lớp / Thời gian	Y-A	Y-B	Y-C	Y-D
22/01/2018-10/02/2018	Nội bệnh lý I	Nội bệnh lý II	Ngoại bệnh lý I	Ngoại bệnh lý II
12/02/2018-24/02/2018	***Nghỉ Tết***			
26/02/2018-03/03/2018	Nội bệnh lý I	Nội bệnh lý II	Ngoại bệnh lý I	Ngoại bệnh lý II
05/03/2018-31/03/2018	Nội bệnh lý II	Nội bệnh lý I	Ngoại bệnh lý II	Ngoại bệnh lý I
02/04/2018-07/04/2018	*Thi lâm sàng*			
09/04/2018-05/05/2018	Nhi khoa I	Nhi khoa II	Phụ sản I	Phụ sản II
07/05/2018-02/06/2018	Nhi khoa II	Nhi khoa I	Phụ sản II	Phụ sản I
04/06/2018-09/06/2018	*Thi lâm sàng*			

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019, K29)

Tổng số sinh viên: 450, số lớp: 4

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **27 ĐVHT/705 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội cơ sở	3	2	30	1	45	Thi	*Chia 3 nhóm lớn (6 nhóm nhỏ) thực tập luân khoa*
2.	Ngoại cơ sở	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Truyền nhiễm	4	3	45	1	45	Thi	
4.	Lao và bệnh phổi	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Răng hàm mặt	3	2	30	1	45	Thi	
6.	Phục hồi chức năng	3	2	30	1	45	Thi	
7.	TCYT-BảohiểmYT	2	2	30			Thi	
8.	Các vấn đề DS-BVSKBMTE-SKSS	2	2	30			Thi	
9.	Thực tập cộng đồng 2	4			4	180	BC	
	Tổng cộng	**27**	**17**	**255**	**10**	**450**		

***Ghi chú**:*

Thực tập cộng đồng 2 cả ngày từ 06/11/2017– 18/11/2017, khoa Y tế công cộng phụ trách.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm lớn	A		B		C	
Nhóm	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
11/09/2017 - 23/09/2017	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM	PHCN
25/09/2017 - 07/10/2017	***Nghỉ 2 tuần (Thực tập cộng đồng 2)***					
09/10/2017 - 21/10/2017	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM
23/10/2017 - 04/11/2017	RHM	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP
06/11/2017 - 18/11/2017	Lao và BP	RHM	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm
20/11/2017 - 02/12/2017	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở
04/12/2017 - 16/12/2017	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM	PHCN	Nội cơ sở

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **27 ĐVHT/660 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	PP NCKH	2	2	30			Thi	
2.	Y học gia đình	1	1	15			Thi	
3.	Y học thảm họa	1	1	15			Thi	
4.	CĐ hình ảnh	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Tai mũi họng	3	2	30	1	45	Thi	*Chia 4 nhóm lớn (8 nhóm nhỏ) thực tập luân khoa*
6.	Mắt	3	2	30	1	45	Thi	
7.	Y học cổ truyền	4	2	30	2	90	Thi	
8.	Da liễu	3	2	30	1	45	Thi	
9.	Thần kinh	2	1	15	1	45	Thi	
10.	Tâm thần	3	2	30	1	45	Thi	
11.	Ung thư đại cương	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**27**	**18**	**270**	**9**	**390**		

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A		B		C		D	
Nhóm	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
29/01/2018 – 10/02/2018	Tai mũi họng	Mắt	Tâm thần	Thần kinh	Ung thư ĐC	Da liễu	Y học cổ truyền	
12/02/2018 - 24/02/2018	*Nghỉ Tết*							
26/02/2018 - 10/03/2018	Mắt	Tai mũi họng	Thần kinh	Tâm thần	Da liễu	Ung thư ĐC	Y học cổ truyền	
12/03/2018 - 24/03/2018	Y học cổ truyền		Tai mũi họng	Mắt	Tâm thần	Thần kinh	Ung thư ĐC	Da liễu
26/03/2018 - 07/04/2018			Mắt	Tai mũi họng	Thần kinh	Tâm thần	Da liễu	Ung thư ĐC
09/04/2018 - 21/04/2018	Ung thư ĐC	Da liễu	Y học cổ truyền		Tai mũi họng	Mắt	Tâm thần	Thần kinh
23/04/2018 - 05/05/2018	Da liễu	Ung thư ĐC			Mắt	Tai mũi họng	Thần kinh	Tâm thần
07/05/2018 - 19/05/2018	Tâm thần	Thần kinh	Ung thư ĐC	Da liễu	Y học cổ truyền		Tai mũi họng	Mắt
21/05/2018 - 02/06/2018	Thần kinh	Tâm thần	Da liễu	Ung thư ĐC			Mắt	Tai mũi họng

**** Chú ý: Học trước lý thuyết của năm tư trong học kỳ hè. Kế hoạch học cụ thể phòng Đào tạo đại học sẽ thông báo đến các Khoa, Bộ môn vào cuối học kỳ 2.***

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2018, K28)

Tổng số sinh viên: 464, số lớp: 4

Học kỳ 7: 18 tuần (28/08/2017 đến 30/12/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), **25-26 ĐVHT**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	*Lớp A,B*
2.	Nội bệnh lý 2	5	3	45	2	90	Thi	
3.	Nhi 1	5	3	45	2	90	Thi	
4.	Nhi 2	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	*Lớp C, D*
6.	Ngoại bệnh lý 2	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Phụ sản 1	5	3	45	2	90	Thi	
8.	Phụ sản 2	4	2	30	2	90	Thi	
9.	Đường lối CM của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
10.	Pháp y	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**26/25**	**17/16**	**315**	**9**	**390**		

Ghi chú:

Sinh viên thực tập lâm sàng do các bộ môn Nội, Ngoại tổng quát, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ung bướu, Nhi phụ trách. ***Sinh viên thực tập 2 buổi sáng chiều (buổi chiều thực tập các ngày thứ 2,4,6).***

- *Thực tập lâm sàng Nội, LS. Ngoại, Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ, Bệnh viện Trường.*
- *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.*
- ***Ngày thứ 7 và các buổi chiều thứ 3, sinh viên học lý thuyết và thực tập Pháp y.***

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A	B	C	D
28/08/2017 đến 21/10/2017	Nội bệnh lý 1-2	Nhi 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2
23/10/2017 đến 16/12/2017	Nhi 1-2	Nội bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2

Học kỳ 8: 17 tuần (01/01/2018 đến 12/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết và 1 tuần ôn thi và thi),

18-19 ĐVHT

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	*Lớp C,D*
2.	Nội bệnh lý 2	5	3	45	2	90	Thi	
3.	Nhi 1	5	3	45	2	90	Thi	
4.	Nhi 2	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	*Lớp A,B*
6.	Ngoại bệnh lý 2	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Phụ sản 1	5	3	45	2	90	Thi	
8.	Phụ sản 2	4	2	30	2	90	Thi	
9.	TN khoa học Mác-Lênin TTHCM	4					Thi	
10.	TN khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	**19/18/14**	**11/10**	**165/150**	**8**	**360**		

Ghi chú:

Sinh viên thực tập ***hai buổi sáng chiều*** *do các bộ môn Nội, Ngoại tổng quát, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ung bướu, Nhi phụ trách.*

- *Thực tập lâm sàng Nội, LS. Ngoại, Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ, Bệnh viện Trường.*
- *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A	B	C	D
***02/01/2018* đến 10/02/2018**	Ngoại bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2	Nội bệnh lý 1-2	Nhi 1-2
12/02/2018-24/02/2018	***Nghỉ Tết***			
26/02/2018 đến 10/03/2018	Ngoại bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2	Nội bệnh lý 1-2	Nhi 1-2
12/03/2018 đến 07/04/2018	Phụ sản 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2	Nhi 1-2	Nội bệnh lý 1-2
09/04/2018-14/04/2018	***Nghỉ, Thi HK II***			
16/04/2018 đến 12/05/2018	Phụ sản 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2	Nhi 1-2	Nội bệnh lý 1-2

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 14/05/2018-23/06/2018.

2. Học phần tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (7 ĐVHT) gồm :
  + Phần cơ sở ngành (2 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
  + Phần chuyên môn 1 (5 ĐVHT): Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi.
- Thi lâm sàng (3 ĐVHT): bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng theo nhóm Nội-Nhi hoặc Ngoại-Sản tùy thuộc vào nhóm định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn mà sinh viên đăng ký.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng HCM: 09/06/2018.
- Tốt nghiệp chuyên ngành: 25/06/2018 – 30/06/2018

** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - hai: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ ba - tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – hai (đào tạo theo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với các năm thứ ba - tư (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thi tốt nghiệp

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

+ Thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác Lênin-Tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

**** Thi tốt nghiệp lâm sàng:***

- Từ ngày 10/05/2018-13/05/2018: bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng Nội, Ngoại, Sản, Nhi.

- Từ ngày 14/05/2018-14/06/2018: Thực hành và ôn tập. Sinh viên thực tập và ôn thi tốt nghiệp theo chuyên ngành đã bốc thăm. Các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi có kế hoạch phân công cụ thể và sắp xếp giảng viên, sinh viên thực hành ôn tập lâm sàng theo qui định.

- Thi tốt nghiệp: Dự kiến từ 25/06/2018 - 30/06/2018.

+ Sinh viên bốc thăm bệnh nhân cụ thể (được bộ môn chuẩn bị sẵn), làm bệnh án

+ Bộ môn thành lập bàn hỏi thi lâm sàng (một bàn hỏi thi tối thiểu 2 giảng viên).

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

10. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

+ Ngành-năm: YHCT^{4}1, YHCT^{4}2, YHCT^{4}3, YHCT^{4}4
+ Thứ tự lớp: A, B

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

+ Năm thứ nhất-K31: 173308A
+ Năm thứ hai-K30: 163308A
+ Năm thứ ba-K29: 153308A
+ Năm thứ tư-K28: 143308A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021, K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 80, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Những NLCB của CNMLN	2	2	30			Thi	
2.	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
3.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Trung văn cơ bản	3	3	45			Thi	
7.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**15**	**225**	**3**	**90**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/405 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hoá sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
7.	Thực vật dược	2	1	15	1	30	Thi	
8.	Lý luận cơ bản YHCT	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**18**	**12**	**225**	**6**	**180**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K30)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 55, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **20 tín chỉ/534 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Lý luận cơ bản YHCT	2	2	30			Thi	*Xếp học trước YHCT cơ sở*
5.	Nội cơ sở	4	2	30	2	90	Thi	
6.	Ngoại cơ sở	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Y học cổ truyền cơ sở	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**20**	**11**	**174**	**9**	**360**		

***Ghi chú**:*

Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, YHCT cơ sở.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm / Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
02/10/2017-28/10/2017	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở
30/10/2017-25/11/2017	Ngoại cơ sở	YHCT cơ sở
27/11/2017-23/12/2017	YHCT cơ sở	Nội cơ sở

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **20 tín chỉ/570 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Thực vật dược	2	1	15	1	30	Thi	
2.	Dược lý	2	2	30			Thi	
3.	Nội bệnh lý YHHĐ I	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Nội bệnh lý YHHĐ II	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
6.	Phụ Sản YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Nhi YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**21**	**12**	**180**	**9**	**390**		

***Ghi chú**:*

Chia 2 nhóm thực tập lâm sàng Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ, Phụ sản YHHĐ và Nhi YHHĐ.

+ *Thực tập lâm sàng Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ, Phụ sản YHHĐ tại bệnh viện Đa khoa TƯ Cần Thơ, bệnh viện ĐK TP.Cần Thơ, bệnh viện Phụ sản Cần Thơ*
+ *Thực tập lâm sàng Nhi YHHĐ tại bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm / Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
29/01/2018-10/02/2018	Nội bệnh lý YHHĐ I	Ngoại bệnh lý YHHĐ
12/02/2018–24/02/2018	***Nghỉ Tết***	
26/02/2018-10/03/2018	Nội bệnh lý YHHĐ II	Ngoại bệnh lý YHHĐ
12/03/2018-24/03/2018	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Nội bệnh lý YHHĐ I
26/03/2018-07/04/2018		Nội bệnh lý YHHĐ II
09/04/2018-05/05/2018	Nhi YHHĐ	Phụ Sản YHHĐ
07/05/2018-02/06/2018	Phụ Sản YHHĐ	Nhi YHHĐ

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019, K29)

Tổng số sinh viên: 78, số lớp: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **28 ĐVHT/790 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội cơ sở và bệnh học 1	4	2	30	2	90	Thi	*Chia 4 nhóm thực tập luân khoa.*
2.	Truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Lao và bệnh phổi	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Phục hồi chức năng	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Phụ sản	5	3	45	2	90	Thi	
7.	TCYT-BảohiểmYT	2	2	30			Thi	
8.	Các hình thức châm cứu 2	3	1	15	2	60	Thi	
9.	Các vấn đề DS-BVSKBMTE-SKSS–CTYTQG	2	2	30			Thi	
10.	Thực tập cộng đồng	3			3	135	BC	
	Tổng cộng	**28**	**15**	**225**	**13**	**565**		

Ghi chú:

- *Thực tập cộng đồng cả ngày từ 20/11/2017 đến 02/12/2017 do khoa Y tế công cộng phụ trách.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
28/08/2017-09/09/2017	Nội cơ sở và bệnh học 1		Truyền nhiễm	Phục hồi chức năng
11/09/2017-23/09/2017			Lao và bệnh phổi	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1
25/09/2017-8/10/2017	Truyền nhiễm	Phục hồi chức năng	Nội cơ sở và bệnh học 1	
09/10/2017-21/10/2017	Lao và bệnh phổi	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1		
23/10/2017-04/11/2017	Phụ sản		Phục hồi chức năng	Truyền nhiễm
06/11/2017-18/11/2017			Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1	Lao và bệnh phổi
20/11/2017-02/12/2017	*Nghỉ 2 tuần (thực tập cộng đồng)*			
04/12/2017-16/12/2017	Phục hồi chức năng	Truyền nhiễm	Phụ sản	
18/12/2017-30/12/2017	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1	Lao và bệnh phổi		

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **26 ĐVHT/675 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Thuốc YHCT–Phương tễ 2	3	1	15	2	90	Thi	*Chia 4 nhóm thực tập luân khoa*
2.	Da liễu	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Nội cơ sở và bệnh học 2	4	2	30	2	90	Thi	
4.	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Thần kinh	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Tâm thần	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Các PP chữa bệnh không dùng thuốc	4	2	30	2	60	Thi	
8.	CĐ hình ảnh	3	2	30	1	30	Thi	
9.	PP NCKH	2	2	30			Thi	
10.	Y học gia đình	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**26**	**15**	**225**	**11**	**450**		

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
29/01/2018-10/02/2018	Thuốc YHCT–Phương tễ 2		Da liễu	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2
12/02/2018-24/02/2018	*Nghỉ Tết*			
26/02/2018-10/03/2018	Thuốc YHCT–Phương tễ 2		Thần kinh	Tâm thần
12/03/2018-24/03/2018	Da liễu	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	Thuốc YHCT–Phương tễ 2	
26/03/2018-07/04/2018	Thần kinh	Tâm thần		
09/04/2018-21/04/2018	Nội cơ sở và bệnh học 2		Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	Da liễu
23/04/2018-05/05/2018			Tâm thần	Thần kinh
07/05/2018-19/05/2018	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	Da liễu	Nội cơ sở và bệnh học 2	
21/05/2018-02/06/2018	Tâm thần	Thần kinh		

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2018, K28)

Tổng số sinh viên: 90, số lớp: 1

Học kỳ 7: 18 tuần (28/08/2017 – 30/12/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), **28 ĐVHT/775 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Bệnh học Nội Nhi YHCT	6	3	45	3	135	Thi	
2.	Điều trị YHCT 1	5	2	30	3	135	Thi	
3.	Bệnh học Ngũ quan YHCT	5	3	45	2	90	Thi	
4.	Nhi khoa	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	5	5	75			Thi	
	Tổng cộng	**25**	**16**	**240**	**12**	**535**		

Ghi chú:

Chia 2 nhóm thực tập luân khoa, mỗi ĐVHT thực hành 2 tuần. Riêng Bệnh học Nội Nhi YHCT và Điều trị YHCT 1 thực tập 4 tuần (2 tuần buổi sáng và 2 tuần sáng chiều)

- *Thực tập Bệnh học Nội Nhi YHCT, Điều trị YHCT 1 tại bệnh viên Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Bệnh học Ngũ quan YHCT tại Bệnh viện Đa khoa TPCT.*
- *Thực tập Nhi khoa tại bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
28/08/2017 - 09/09/2017	Bệnh học Nội Nhi YHCT	Điều trị YHCT 1
11/09/2017 - 23/09/2017		
25/09/2017 - 07/10/2017	Điều trị YHCT 1	Bệnh học Nội Nhi YHCT
09/10/2017 - 21/10/2017		
23/10/2017 - 04/11/2017	Nhi khoa	Bệnh học Ngũ quan YHCT
06/11/2017 - 18/11/2017		
20/11/2017 - 02/12/2017	Bệnh học Ngũ quan YHCT	Nhi khoa
04/12/2017 -16/12/2017		

Học kỳ 8: 19 tuần (02/01/2018 – 12/05/2018, có 1 tuần dự trữ, 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi), **29 ĐVHT/435 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Điều trị YHCT 2	5	2	30	3	135	Thi	
2.	Bệnh học Lão khoa YHCT	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Bệnh học Ngoại khoa YHCT	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Phụ sản YHCT	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Bệnh học Truyền nhiễm YHCT	2	1	15	1	45	Thi	
6.	TN khoa học Mác- Lênin TTHCM	4					Thi	
7.	TN khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	**29**	**8**	**120**	**7**	**315**		

Ghi chú:

Chia 2 nhóm thực tập luân khoa.

- *Thực tập Bệnh học lão khoa YHCT, Điều trị YHCT 2, Bệnh học Truyền nhiễm YHCT tại bệnh viên Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Bệnh học ngoại khoa YHCT, Phụ sản YHCT tại Bệnh viện Đa khoa TPCT.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
02/01/2018 – 13/01/2018	Điều trị YHCT 2	Bệnh học Ngoại khoa YHCT
15/01/2018 – 27/01/2018		Phụ sản YHCT
29/01/2018 – 10/02/2018		Bệnh học Lão khoa YHCT
12/02/2018 – 24/02/2018	*Nghỉ Tết*	
26/02/2018 – 10/03/2018	Bệnh học Ngoại khoa YHCT	Điều trị YHCT 2
12/03/2018 – 24/03/2018	Phụ sản YHCT	
26/03/2018 – 07/04/2018	Bệnh học Lão khoa YHCT	
09/04/2018 – 14/04/2018	*Nghỉ, thi học kỳ II*	
16/04/2018 – 28/04/2018	Bệnh học Truyền nhiễm YHCT	

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp**: từ 14/05/2018-23/06/2018.
2. **Học phần tốt nghiệp**:
   - Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
   - Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (7 ĐVHT) gồm:
     + Phần cơ sở ngành (2 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
     + Phần chuyên môn 1 (5 ĐVHT): Bệnh học Nội – Nhi YHCT, Bệnh học Ngoại khoa YHCT, Bệnh học Sản phụ khoa YHCT, Điều trị YHCT.
   - Thi lâm sàng (3 ĐVHT): bốc thăm chọn chuyên ngành lâm sàng Nội Y học cổ truyền hoặc Ngoại Y học cổ truyền.
3. **Thời gian thi tốt nghiệp**:
   - Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng HCM: 09/06/2018.
   - Tốt nghiệp chuyên ngành: 25/06/2018 – 30/06/2018

** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - hai: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ ba - tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – hai (đào tạo theo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với các năm thứ ba - tư (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thi tốt nghiệp

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

+ Thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác Lênin-Tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

**** Thi tốt nghiệp lâm sàng:***

- Từ ngày 10/5/2018-13/5/2018: bốc thăm ngẫu nhiên phân môn thi thực hành lâm sàng Nội Y học cổ truyền hoặc Ngoại Y học cổ truyền.

- Từ ngày 14/5/2018-14/6/2018: Thực hành và ôn tập. Sinh viên thực tập và ôn thi tốt nghiệp theo chuyên ngành đã bốc thăm được. Bộ môn Y học cổ truyền có kế hoạch phân công cụ thể và sắp xếp giảng viên, sinh viên thực hành ôn tập lâm sàng theo qui định.

- Thi tốt nghiệp: Dự kiến từ 25/06/2018 - 30/06/2018.

+ Sinh viên bốc thăm bệnh nhân cụ thể (được bộ môn chuẩn bị sẵn), làm bệnh án.

+ Bộ môn thành lập bàn hỏi thi lâm sàng (một bàn hỏi thi tối thiểu 2 giảng viên).

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

11. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

+ Ngành-năm: $D^4$1, $D^4$2, $D^4$3, $D^4$4
+ Thứ tự lớp: A, B

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

+ Năm thứ nhất-K31: 173303A
+ Năm thứ hai-K30: 163303A
+ Năm thứ ba-K29: 153303A, 153303B
+ Năm thứ tư-K28: 143303A, 143303B

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021 - K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 80, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/255 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Những NLCB của CNMLN	2	2	30			Thi	
2.	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
3.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			Thi	
4.	Lý sinh	2	2	30			Thi	
5.	Anh văn	3	3	45			Thi	
6.	Hóa hữu cơ	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Giải phẫu	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**16**	**15**	**225**	**1**	**30**		

Học kỳ 2: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Sinh lý	3	3	45			Thi	
3.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Thực vật dược	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**13**	**195**	**4**	**120**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K30)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 66, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/375 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Dược cộng đồng	2	2	36			Thi	
3.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	2	30			Thi	
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khoẻ	1	1	18			Thi	
5.	Hóa lý dược	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Dược liệu I	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Hóa phân tích	4	2	30	2	60	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**11**	**165**	**7**	**210**		

Học kỳ 4: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/288 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Dược động học	2	2	30			Thi	
2.	Dược liệu II	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Dược lý I	2	2	30			Thi	
4.	Hóa Dược I	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Dược học cổ truyền	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Bệnh học Nội khoa	2	2	30			Thi	
8.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**18**	**14**	**213**	**4**	**120**		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019 - K29)

Tổng số sinh viên: 125, số lớp 2

Học kỳ 5: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **27 ĐVHT/480 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Hóa sinh 2	3	3	45			Thi	
2.	Hóa dược 2	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Dược liệu 3	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Độc chất học	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Pháp chế dược 1	2	2	30			Thi	
7.	Y dược học cổ truyền	4	4	60			Thi	
8.	Dược lý 1	3	3	45			Thi	
9.	Dược lâm sàng 1	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**27**	**22**	**330**	**5**	**150**		

Học kỳ 6: 24 tuần (22/01/2018 – 07/07/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **27 ĐVHT/525 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Hóa dược 3	3	1	15	2	60	Thi	
2.	Dược lý 2	4	3	45	1	30	Thi	
3.	Công nghệ sản xuất dược phẩm 1	4	2	30	2	60	Thi	
4.	Bào chế & Sinh dược học 3	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
6.	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3	45			Thi	
7.	Dược lâm sàng 2	3	2	30	1	30	Thi	
8.	TT.Y dược học cổ truyền	1			1	30	Thi	
	Tổng cộng	**27**	**19**	**285**	**8**	**240**		

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2018 - K28)

Tổng số sinh viên: 191, số lớp 2

Học kỳ 7: 21 tuần (28/08/2017 – 20/01/2018, có 3 tuần ôn thi và thi), **26 ĐVHT/555 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Pháp chế dược 2	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Dược liệu 4	3	1	15	2	60	Thi	
3.	Công nghệ sản xuất dược phẩm 2	3	1	15	2	60	Thi	
4.	Bệnh học	5	4	60	1	45	Thi	
5.	Kiểm nghiệm dược phẩm 1	4	2	30	2	60	Thi	
6.	Dược lâm sàng 3	4	2	30	2	60	Thi	
7.	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
8.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**24**	**14**	**240**	**10**	**315**		

***Ghi chú**:*

- Thực hành Bệnh học (Bộ môn Nội khoa Y phụ trách) tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ vào buổi sáng từ ngày 13/11/2017 đến 25/11/2017.

Học kỳ 8: 14 tuần (22/01/2018 – 12/05/2018, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi),

11 ĐVHT/255 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Kiểm nghiệm dược phẩm 2	4	3	45	1	30	Thi	
2.	Kinh tế dược	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Thực tế	4			4	120	BC	
4.	TN KH Mác Lênin-Tư tưởng HCM	4					Thi	
5.	TN khối kiến thức GD chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	**11/ 14 TN**	**5**	**75**	**6**	**180**		

***Ghi chú**:*

- Đi thực tế cả ngày từ ngày 16/04/2018 đến 12/05/2018 tại các công ty, xí nghiệp sản xuất thuốc – khoa Dược và Hiệu thuốc Bệnh viện của các tỉnh theo nơi cư trú của sinh viên. Trường hợp tỉnh không có xí nghiệp sản xuất thuốc, sinh viên có thể đăng ký đi thực tế ở tỉnh lân cận hoặc tại Cần Thơ.

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 14/05/2018-23/06/2018.

2. Học phần thi tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
  + Phần cơ sở ngành (3 ĐVHT): Hóa lý, Dược lý
  + Phần chuyên môn 1 (3 ĐVHT): Dược liệu, Quản lý dược, Công nghiệp dược
  + Phần chuyên môn 2 (4 ĐVHT): Hoá dược, Dược lâm sàng, Bào chế, Kiểm nghiệm.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 09/06/2018.
- Tốt nghiệp chuyên ngành: 25/06/2018 – 30/06/2018.

** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - hai: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ ba - tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – hai (đào tạo theo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với các năm thứ ba - tư (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tế

Đi thực tế tại các công ty, xí nghiệp sản xuất thuốc – khoa Dược và Hiệu thuốc Bệnh viện của các tỉnh theo nơi cư trú của sinh viên. Trường hợp tỉnh không có xí nghiệp sản xuất thuốc, sinh viên có thể đăng ký đi thực tế ở tỉnh lân cận hoặc tại Cần Thơ.

4. Thi tốt nghiệp

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

+ Thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác Lênin-Tư tưởng Hồ Chí Minh.
+ Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC

12. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

+ Ngành-năm: ĐD^{4}1, ĐD^{4}2, ĐD^{4}3, ĐD^{4}4
+ Thứ tự lớp: A, B, C, D

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

+ Năm thứ nhất – K31: 173305A, 173305B, 173305C
+ Năm thứ hai – K30: 163305A, 163305C (AG), 163305D (KG), 163305E (BTre), 163305F (BL)
+ Năm thứ ba – K29 : 153305A, 153305B
+ Năm thứ tư – K28 : 143305A, 143305B, 163305C (CM), 163305D (AG),

3. Kiểm tra và thi học phần

+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
+ Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

4. Hình thức thi tốt nghiệp

+ Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021 - K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 200, số lớp SV chuyên ngành: 3

Học kỳ 1: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 02 tuần ôn và thi), **11 tín chỉ/165 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Giải phẫu	2	2	30			Thi	
3.	Hóa học	2	2	30			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	2	2	30			Thi	
5.	Vật lý và Lý sinh	2	2	30			Thi	
6.	Y học quân sự	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**11**	**11**	**165**				

Học kỳ 2: 10 tuần (26/02/2018 - 05/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **13 tín chỉ/210 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý	2	2	30			Thi	
2.	Hoá sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
4.	Kỹ năng giao tiếp trong TH điều dưỡng	2	2	30			Thi	
5.	Sức khỏe- Nâng cao SK và hành vi con người	1	1	15			Thi	
6.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**13**	**12**	**180**	**1**	**30**		

***Ghi chú**: 1 lớp tại Cần Thơ và 2 lớp tại tỉnh BR-VT và Long An*

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K30)

Tổng số sinh viên: 236, số lớp: 5 mở tại các tỉnh:

Cần Thơ (59 SV), An Giang (40 SV), Kiên Giang (39 SV), Bến Tre (50 SV) và Bạc Liêu (25 SV)

Học kỳ 3: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **17 ĐVHT/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
2.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
3.	DD-VSATTP	2	2	30			Thi	
4.	Giáo dục sức khoẻ	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Dân số KHHGĐ	2	2	30			Thi	
6.	TCYT-CTYTQG	1	1	15			Thi	
7.	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
8.	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**14**	**210**	**3**	**90**		

Học kỳ 4: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **17 ĐVHT/330 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Vi sinh	2	2	30			Thi	
2.	Ký sinh	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Điều dưỡng cơ bản 1	4	2	30	2	60	Thi	
6.	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**12**	**180**	**5**	**150**		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019, K29)

Tổng số sinh viên: 154, số lớp: 2

Học kỳ 5: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **17 ĐVHT/420 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Dược lý	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Điều Dưỡng cơ bản 2	4	2	30	2	60	Thi	
3.	Điều Dưỡng ngoại 1	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Điều dưỡng nội 1	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Điều Dưỡng tâm thần	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Phục hồi chức năng	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**10**	**150**	**76**	**270**		

***Ghi chú**:*

Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa tại Bệnh viện ĐK TƯ Cần Thơ, ĐK TPCT, Bệnh viện Trường: Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng tâm thần, phục hồi chức năng. Mỗi lâm sàng 2 tuần.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
06/11/2017 đến 18/11/2017	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng Tâm thần	Phục hồi chức năng
20/11/2017 đến 02/12/2017	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng Tâm thần
04/12/2017 đến 16/12/2017	Điều Dưỡng Tâm thần	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1
18/12/2017 đến 30/12/2017	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng Tâm thần	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1

Học kỳ 6: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **17 ĐVHT/405 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	45			Thi	
2.	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
3.	Dịch tễ học	2	2	30			Thi	
4.	Quản lý điều dưỡng	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Điều dưỡng truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Điều Dưỡng chuyên khoa hệ nội	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Điều Dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	3	1	15	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**12**	**180**	**5**	**225**		

***Ghi chú**:*

Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa: Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội (2 tuần tại BV Lao, Da Liễu, BV ĐK TPCT), Điều dưỡng truyền nhiễm (2 tuần tại khoa truyền nhiễm BV ĐK TƯ Cần Thơ), Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (4 tuần tại Khoa Mắt, Khoa RHM BV ĐK TPCT, BV Tai Mũi Họng).

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
23/04/2018 đến 05/05/2018	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	Điều dưỡng Truyền nhiễm	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại
07/05/2018 đến 19/05/2018	Điều dưỡng Truyền nhiễm	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại
21/05/2018 đến 02/06/2018	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	Điều dưỡng Truyền nhiễm
04/06/2018 đến 16/06/2018	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng Truyền nhiễm	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2013 –2017 - K28)

Tổng số sinh viên: 206, số lớp: 4 gồm

2 lớp ở Cần Thơ (147 SV), 1 lớp ở Cà Mau (13 SV) và 1 lớp ở An Giang (46 SV)

Học kỳ 7: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), **16 ĐVHT/360 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Đường lối CM của Đảng CSVN	5	5	75			Thi	
2.	Điều Dưỡng ngoại 2	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Điều dưỡng nội 2	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Điều Dưỡng phụ sản	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**12**	**180**	**4**	**180**		

Ghi chú:

Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng Nội 2, Điều dưỡng Ngoại 2 tại BV ĐK TƯ Cần Thơ, BV ĐK TPCT, BV Trường; Điều dưỡng phụ sản tại BV phụ sản Cần Thơ; Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu tại BV ĐK TƯ Cần Thơ. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 2 tuần.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
11/09/2017 đến 23/09/2017	Điều Dưỡng ngoại 2	Điều dưỡng nội 2	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Điều Dưỡng phụ sản
25/09/2017 đến 8/10/2017	Điều Dưỡng phụ sản	Điều Dưỡng ngoại 2	Điều dưỡng nội 2	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu
09/10/2017 đến 21/10/2017	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Điều Dưỡng phụ sản	Điều Dưỡng ngoại 2	Điều dưỡng nội 2
23/10/2017 đến 04/11/2017	Điều dưỡng nội 2	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Điều Dưỡng phụ sản	Điều Dưỡng ngoại 2

Học kỳ 8: 14 tuần (26/02/2018 - 19/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **16 ĐVHT/360 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Điều Dưỡng nhi	3	2	30	1	45	Thi	
2.	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Điều dưỡng Nội 3	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Điều dưỡng Ngoại 3	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Điều dưỡng cộng đồng	3	1	15	2	90	Thi	
6.	Thực tế TN	4			4	180	Báo cáo	
7.	TN khối kiến thức GD chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	**16/ 10 TN**	**6**	**90**	**10**	**450**		

Ghi chú:

- Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng Nội 3, Điều dưỡng Ngoại 3 tại BV ĐK TPCT, BV Trường;TUĐiều dưỡng Nhi tại BV Nhi Đồng, Điều dưỡng phòng phẫu thuật tại BV ĐK TƯ. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 2 tuần.

- Thực tập cộng đồng kết hợp thực tế tốt nghiệp đi cả sáng chiều từ 07/05/2018 đến 19/05/2018.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
26/02/2018 đến 10/03/2018	Điều dưỡng nhi	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Điều dưỡng Nội 3	Điều dưỡng Ngoại 3
12/03/2018 đến 24/03/2018	Điều dưỡng Ngoại 3	Điều dưỡng nhi	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Điều dưỡng Nội 3
26/03/2018 đến 07/04/2018	Điều dưỡng Nội 3	Điều dưỡng Ngoại 3	Điều dưỡng nhi	Điều dưỡng phòng phẫu thuật
09/04/2018 đến 21/04/2018	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Điều dưỡng Nội 3	Điều dưỡng Ngoại 3	Điều dưỡng nhi

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp**: từ 21/05/2018-23/06/2018.
2. **Học phần thi tốt nghiệp**:
   - Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
     + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
     + Phần chuyên môn (6 ĐVHT): Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng Phụ sản, Điều dưỡng Nhi.
3. **Thời gian thi tốt nghiệp**:
   - Tốt nghiệp chuyên ngành: 25/06/2018 – 30/06/2018.

   ** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

13. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG GÂY MÊ HỒI SỨC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

+ Ngành-năm: $GM^4 1$, $GM^4 2$

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

+ Năm thứ nhất – K31: 173305G
+ Năm thứ hai – K30: 163305G

3. Kiểm tra và thi học phần

+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
+ Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021 - K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 20, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 02 tuần ôn và thi), **11 tín chỉ/165 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Giải phẫu	2	2	30			Thi	
3.	Hóa học	2	2	30			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	2	2	30			Thi	
5.	Vật lý và Lý sinh	2	2	30			Thi	
6.	Y học quân sự	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**12**	**12**	**165**				

Học kỳ 2: 10 tuần (26/02/2018 - 05/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **13 tín chỉ/210 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý	2	2	30			Thi	
2.	Hoá sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
4.	Kỹ năng giao tiếp trong TH điều dưỡng	2	2	30			Thi	
5.	Sức khỏe- Nâng cao SK và hành vi con người	1	1	15			Thi	
6.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**13**	**12**	**180**	**1**	**30**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020 - K30)

Tổng số sinh viên: 23, số lớp: 1

Học kỳ 3: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **17 ĐVHT/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
2.	DD - VSATTP	2	2	30			Thi	
3.	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
4.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giáo dục sức khoẻ	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Dân số - KHHGĐ	2	2	30			Thi	
8.	TCYT - CTYTQG	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**14**	**210**	**3**	**90**		

Học kỳ 4: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **18 ĐVHT/330 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
2.	Vi sinh	2	2	30			Thi	
3.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Điều dưỡng cơ bản 1	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**18**	**14**	**210**	**4**	**120**		

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

14. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG PHỤ SẢN HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

+ Ngành-năm: $PS^4$1, $PS^4$2, $PS^4$3, $PS^4$4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

+ Năm thứ nhất - K31: 173305P
+ Năm thứ hai - K30: 163305P
+ Năm thứ ba - K29: 153305P

- Năm thứ tư - K28: 143305P, 143305P2 (CM)

3. Kiểm tra và thi học phần

+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
+ Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021, K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 20, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 02 tuần ôn và thi), **11 tín chỉ/165 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Giải phẫu	2	2	30			Thi	
3.	Hóa học	2	2	30			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	2	2	30			Thi	
5.	Vật lý và Lý sinh	2	2	30			Thi	
6.	Y học quân sự	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**11**	**12**	**165**				

Học kỳ 2: 10 tuần (26/02/2018 - 05/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **13 tín chỉ/210 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý	2	2	30			Thi	
2.	Hoá sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
4.	Kỹ năng giao tiếp trong TH điều dưỡng	2	2	30			Thi	
5.	Sức khỏe- Nâng cao SK và hành vi con người	1	1	15			Thi	
6.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**13**	**12**	**180**	**1**	**30**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020 - K30)

Tổng số sinh viên: 63, số lớp: 1

Học kỳ 3: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **17 ĐVHT/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
2.	DD - VSATTP	2	2	30			Thi	
3.	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
4.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giáo dục sức khoẻ	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Dân số - KHHGĐ - SKSS 1	2	2	30			Thi	
8.	TCYT - CTYTQG	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**14**	**210**	**3**	**90**		

Học kỳ 4: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **16 ĐVHT/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
2.	Vi sinh	2	2	30			Thi	
3.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Điều dưỡng cơ bản 1	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**12**	**180**	**4**	**120**		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019 - K29)

Tổng số sinh viên: 68, số lớp: 1

Học kỳ 5: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **16 ĐVHT/420 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Điều Dưỡng cơ bản 2	3	2	30	1	30	Thi	
2	DS – KHHGĐ - SKSS 2	2	1	15	1	45	Thi	
3	Dược lý	3	2	30	1	30	Thi	
4	Điều Dưỡng ngoại 1	2	1	15	1	45	Thi	
5	Điều dưỡng nội 1	2	1	15	1	45	Thi	
6	Điều Dưỡng truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
7	Phục hồi chức năng	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**16**	**9**	**135**	**7**	**285**		

Ghi chú: *Cả lớp đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng truyền nhiễm, phục hồi chức năng tại BV ĐK TƯ CT, BV ĐK TPCT và BV Trường. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 2 tuần.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	06/11/2017 đến 18/11/2017	20/11/2017 đến 02/12/2017	04/12/2017 đến 16/12/2017	18/12/2017 đến 30/12/2017
	2 tuần	2 tuần	2 tuần	2 tuần
Nhóm 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng truyền nhiễm	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1
Nhóm 2	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng truyền nhiễm	Phục hồi chức năng
Nhóm 3	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng truyền nhiễm
Nhóm 4	Điều Dưỡng truyền nhiễm	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1

Học kỳ 6: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **17 ĐVHT/395 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	45			Thi	
2	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
3	Quản lý điều dưỡng	3	2	30	1	45	Thi	
4	Dịch tễ học	2	2	30			Thi	
5	Chăm sóc bà mẹ trước đẻ	4	2	30	2	90	Thi	*Chia 2 nhóm thực tập luân khoa*
6	Điều Dưỡng nhi	3	1	15	2	90	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**12**	**170**	**5**	**225**		

Ghi chú: *Cả lớp chia thành 2 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng chăm sóc bà mẹ trước đẻ tại 3 BV: BV ĐK TPCT, BV Trường ĐHYD Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ; Điều dưỡng Nhi tại BV Nhi Đồng. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 4 tuần.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
23/04/2018 – 19/05/2018	Chăm sóc bà mẹ trước đẻ	Điều Dưỡng nhi
21/05/2018 – 16/06/2018	Điều Dưỡng nhi	Chăm sóc bà mẹ trước đẻ

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2018, K28)

Tổng số sinh viên: 129, số lớp: 2 mở tại các tỉnh

Cần Thơ (96 SV) và Cà Mau (33 SV)

Học kỳ 7: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 02 tuần ôn và thi), **16 ĐVHT/420 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ	4	2	30	2	90	Thi	
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh	4	2	30	2	90	Thi	
3	Truyền thông tư vấn KHHGĐ	3	1	15	2	60	Thi	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
	Tổng cộng	**16**	**10**	**150**	**6**	**270**		

Ghi chú:

- Cả lớp chia thành 2 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: chăm sóc bà mẹ trong đẻ, chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh từ ngày 11/09/2017 đến 04/11/2017 tại 3 BV: BV ĐK TPCT, BV Trường ĐHYD Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 4 tuần.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	11/09/2017 đến 07/10/2017	09/10/2017 đến 04/11/2017
	4 tuần	4 tuần
Nhóm 1	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh
Nhóm 2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ

Học kỳ 8: 14 tuần (26/02/2018 – 19/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **17 ĐVHT/555 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2	1	15	1	45	Thi	
2	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	6	3	45	3	135	Thi	
3	Điều dưỡng cộng đồng	3	1	15	2	90	Thi	
4	Điều dưỡng Ngoại 2	2	2	30			Thi	
5	Thực tế tốt nghiệp	4			4	180	Thi	
6	Thi tốt nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	**17/10**	**7**	**105**	**10**	**450**		

Ghi chú:

+ *Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén 3 BV: BV ĐK TPCT, BV Trường ĐHYD Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ; Điều dưỡng hồi sức cấp cứu tại BV ĐK TƯ CT, BV ĐK TPCT.*
+ *Thực tập Điều dưỡng cộng đồng kết hợp thực tế tốt nghiệp đi cả sáng chiều vào cuối học kỳ từ 07/05/2018 đến 19/05/2018.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
26/02/2018 đến 10/03/2018	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén
12/03/2018 đến 24/03/2018	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén
26/03/2018 đến 07/04/2018	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén
09/04/2018 đến 21/04/2018	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp**: từ 21/05/2018-23/06/2018.
2. **Học phần thi tốt nghiệp**:
   - Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
     + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
     + Phần chuyên môn (6 ĐVHT): Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng Phụ sản, Điều dưỡng Nhi.
3. **Thời gian thi tốt nghiệp**:
   - Tốt nghiệp chuyên ngành: 25/06/2018 – 30/06/2018.

** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

15. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: XN^41, XN^42, XN^43, XN^44

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K31 : 173307X
- Năm thứ hai-K30 : 163307X
- Năm thứ ba-K29 : 153307X
- Năm thứ tư-K28 : 143307X

3. Kiểm tra và thi học phần

+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
+ Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021, K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 60, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 02 tuần ôn và thi), **11 tín chỉ/165 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Giải phẫu	2	2	30			Thi	
3.	Hóa học	2	2	30			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	2	2	30			Thi	
5.	Vật lý và Lý sinh	2	2	30			Thi	
6.	Y học quân sự	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**11**	**12**	**165**				

Học kỳ 2: 10 tuần (26/02/2018 - 05/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **14 tín chỉ/270 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý	2	2	30			Thi	
2.	Mô phôi	1	1	15			Thi	
3.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Hoá sinh I	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Vi sinh I	3	1	15	2	60	Thi	
6.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**14**	**10**	**150**	**4**	**120**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K30)

Tổng số sinh viên: 68, số lớp: 1

Học kỳ 3: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **17 ĐVHT/330 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
3	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
4	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
5	TCYT - CT YTQG - GDNCSK	1	1	15			Thi	
8	DS-KHHGĐ	2	2	30			Thi	
5	KT Xét nghiệm cơ bản	5	2	30	3	90	Thi	
6	DD - VSAT thực phẩm	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**12**	**180**	**5**	**150**		

Học kỳ 4: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **16 ĐVHT/270 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Ký sinh trùng 1	1	1	15			Thi	
2	Vi sinh 1	2	2	30			Thi	
3	Hóa sinh 1	3	2	30	1	30	Thi	
4	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
2	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
6	Huyết học cơ bản	1	1	15			Thi	
7	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**16**	**14**	**210**	**2**	**60**		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2015–2019, K29)

Tổng số sinh viên: 48, số lớp: 1

Học kỳ 5: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **18 ĐVHT/375 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Ký sinh trùng 2	1	1	15			Thi	
2	Vi sinh 2	1	1	15			Thi	
3	Huyết học tế bào	2	1	15	1	30	Thi	
4	Bảo đảm và KTCLXN	3	2	30	1	30	Thi	
5	Hóa sinh 2	3	2	30	1	30	Thi	
6	Dược lý	3	2	30	1	30	Thi	
7	Giải phẫu bệnh 1	2	1	15	1	30	Thi	
8	Nội cơ sở	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**12**	**180**	**6**	**195**		

***Ghi chú**:*

Cả lớp thực tập Nội cơ sở vào buổi sáng từ 18/12/2017 đến 30/12/2017.

Học kỳ 6: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **19 ĐVHT/375 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Hóa sinh 3	3	2	30	1	30	Thi	
2	Đông máu	3	2	30	1	30	Thi	
3	Vi sinh 3	2	1	15	1	30	Thi	
4	Ký sinh trùng 3	2	1	15	1	30	Thi	
5	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
6	Tư tưởng HCM	3	3	45			Thi	
7	Dịch tễ học	2	2	30			Thi	
8	Ngoại cơ sở	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	**19**	**14**	**210**	**5**	**165**		

***Ghi chú**:*

- Cả lớp thực tập Ngoại cơ sở vào buổi sáng từ 04/06/2018 đến 16/06/2018.

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2014–2018, K28)

Tổng số sinh viên: 52, số lớp: 1

Học kỳ 7: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 02 tuần ôn và thi), **19 ĐVHT/360 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Truyền máu	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Vi sinh 4	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Hóa sinh 4	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng 4	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
6.	Giải phẫu bệnh 2	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**19**	**14**	**210**	**5**	**150**		

Học kỳ 8: 12 tuần (26/02/2018 – 05/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **19 ĐVHT/330 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Tự chọn (*Hóa sinh 5, Huyết học 5, Vi sinh 5, Ký sinh trùng 5 và Giải phẫu bệnh 3*)	5	2	30	3	90	Thi	
2.	TH Xét nghiệm BV Huyết học - Hóa sinh	3			3	135	Thi	
3.	TH Xét nghiệm BV Vi sinh – Ký sinh	3			3	135	Thi	
4.	Thi tốt nghiệp	10	10				Thi	
	Tổng cộng	**19**	**16**	**240**	**3**	**90**		

***Ghi chú**:*

Cả lớp chia 2 nhóm thực tập vào sáng chiều tại bệnh viện ĐKTƯ Cần Thơ và bệnh viện ĐK TP.Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP BỆNH VIỆN

Thời gian	12/03/2018 – 31/03/2018	02/04/2018 – 21/04/2018
Nhóm 1	TH XN BV Huyết học - Hóa sinh	TH XN BV Vi sinh – Ký sinh
Nhóm 2	TH XN BV Vi sinh – Ký sinh	TH XN BV Huyết học - Hóa sinh

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp**: từ 07/05/2018-23/06/2018.
2. **Học phần thi tốt nghiệp**:
   - Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
     + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
     + Phần chuyên môn (6 ĐVHT): Vi sinh, Ký sinh, Huyết học, Hoá sinh, Giải phẫu bệnh.
3. **Thời gian thi tốt nghiệp**:
   - Tốt nghiệp chuyên ngành: 25/06/2018 – 30/06/2018.

** Thi tốt nghiệp lần 2: 17/09/2018 – 22/09/2018.*

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

16. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN HÌNH ẢNH Y HỌC HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: $HA^4$1, $HA^4$2

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất – K31: 173307K
- Năm thứ hai – K30: 163307K

3. Kiểm tra và thi học phần

+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
+ Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
+ Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2021, K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 60, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 10 tuần (11/09/2017 - 18/11/2017, có 02 tuần ôn và thi), **11 tín chỉ/165 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Giải phẫu	2	2	30			Thi	
3.	Hóa học	2	2	30			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	2	2	30			Thi	
5.	Vật lý và Lý sinh	2	2	30			Thi	
6.	Y học quân sự	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	**11**	**11**	**165**				

Học kỳ 2: 10 tuần (26/02/2018 - 05/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **13 tín chỉ/255 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý	2	2	30			Thi	
2.	Hoá sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Vật lý tia X	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Điều dưỡng cơ sở	3	1	15	2	60	Thi	
5.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**13**	**9**	**135**	**4**	**120**		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2016–2020, K30)

Tổng số sinh viên: 24, số lớp: 1

Học kỳ 3: 10 tuần (06/11/2017 - 13/01/2018, có 02 tuần ôn và thi), **17 ĐVHT/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
2.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
3.	DD-VSATTP	2	2	30			Thi	
4.	Giáo dục sức khoẻ	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Dân số KHHGĐ	2	2	30			Thi	
6.	TCYT-CTYTQG	1	1	15			Thi	
7.	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
8.	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	**17**	**14**	**210**	**3**	**90**		

Học kỳ 4: 10 tuần (23/04/2018 - 30/06/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **19 ĐVHT/375 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Vi sinh	2	2	30			Thi	
2.	Ký sinh	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
6.	Giải phẫu bệnh	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Vật lý tia X	2	1	15	1	30	Thi	
8.	Kỹ thuật phòng tối	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	**19**	**13**	**195**	**6**	**180**		

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

17. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG HỆ LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2017–2018

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: ĐD^{2}1

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K31: 175305L

3. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2017–2018, K31)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV (dự kiến): 100, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 1: 12 tuần (11/09/2017 – 02/12/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/510 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
2.	Giải phẫu	2	2	30			Thi	
3.	Sinh lý	2	2	30			Thi	
4.	Điều dưỡng nội	6	2	30	4	180	Thi	
5.	Điều dưỡng ngoại	6	2	30	4	180	Thi	
	Tổng cộng	**18**	**10**	**150**	**8**	**360**		

**** Ghi chú:***

- Học lý thuyết 4 tuần đầu (từ ngày 11/09/2017 đến 07/10/2017)

- Chia 2 nhóm thực tập lâm sàng Điều dưỡng nội, Điều dưỡng ngoại buổi sáng và chiều từ ngày 09/10/2017 đến ngày 18/11/2017.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	09/10/2017 đến 28/10/2017	30/10/2017 đến 18/11/2017
	3 tuần	3 tuần
Nhóm 1	Điều dưỡng nội	Điều dưỡng ngoại
Nhóm 2	Điều dưỡng ngoại	Điều dưỡng nội

Học kỳ 2: 12 tuần (26/02/2018 – 19/05/2018, có 2 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/230 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			TC	Số tiết	TC	Số tiết		
1.	Dinh dưỡng và tiết chế	1	1	15			Thi	
2.	Sức khoẻ môi trường	1	1	15			Thi	
3.	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	3	1	15	2	90	Thi	
4.	Điều dưỡng chuyên khoa Lao - Tâm thần	3	1	15	2	90	Thi	
5.	Điều dưỡng sản phụ khoa	4	2	30	2	90	Thi	
6.	Điều dưỡng nhi	6	2	30	4	180	Thi	
	Tổng cộng	**17**	**12**	**180**	**5**	**150**		

**** Ghi chú:***

- Học lý thuyết 4 tuần đầu (từ ngày 26/02/2018 đến 24/03/2018)

- Chia 2 nhóm thực tập lâm sàng Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại, Điều dưỡng chuyên khoa Lao - Tâm thần, Điều dưỡng sản phụ khoa, Điều dưỡng nhi buổi sáng và chiều từ ngày 26/03/2018 đến ngày 05/05/2018.

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TRUNG KIÊN

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học

- Năm thứ hai - tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Tổ chức giảng dạy

- Tổ chức 2 đợt học trong 1 học kỳ, mỗi đợt 10 tuần (8 tuần học, 2 tuần thi)
  + Đợt 1 (10 tuần đầu): năm nhất và năm thứ tư.
  + Đợt 2 (10 tuần sau): năm thứ hai và năm thứ ba.

- Riêng hình thức liên thông từ cao đẳng tổ chức 1 đợt học trong 1 học kỳ, mỗi đợt 12 tuần (10 tuần học, 2 tuần thi) bắt đầu từ đầu học kỳ.

- Tổ chức học chung các ngành Cử nhân hệ Vừa làm vừa học trong năm nhất và học kỳ 1 năm hai do có chương trình học tương đồng.

3. Kiểm tra và thi học phần

3.1. Đối với năm thứ nhất (đào tạo theo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3.2. Đối với năm thứ hai - tư (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

4. Đào tạo ở các tỉnh

- Ngành Điều dưỡng Đa khoa có 2 lớp năm thứ nhất tại tỉnh Long An và tỉnh BRVT, 4 lớp năm thứ hai tại các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Bạc Liêu; 2 lớp năm thứ tư tại An Giang và Cà Mau. Ngành Điều dưỡng phụ sản có 1 lớp năm thứ tư tại Cà Mau. Ngành Điều dưỡng (Cao đẳng lên đại học) có 1 lớp đào tạo tại tỉnh Bạc Liêu.

- Chương trình học giống với đào tạo tại Trường, kế hoạch cụ thể do Khoa Điều dưỡng và KTYH sắp xếp và công bố vào đầu mỗi học kỳ.